

NĂM THỨ 3

Số 25

Tháng dân-vier-

Juth 1937



刊月會學佛

NGUYỆT-SAN PHẬT-HỌC

Nam - Mô - Bồ - Sư
THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT
 Tác Đại - Chứng - Minh
PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ
Tứ-Ba tự Trữ-Trì : Giác-Nhiên duyệt-y
Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y
Ký tên thể : Lê-đình-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ	
— Bánh xe (Viên-Âm)	3
II. — DIỄN ĐÀN	
— Bài giảng hôm rằm tháng tư tại Phật-Học-Hội chùa Tứ-Quang-Huế	4
— Bài diễn-văn của ông Lê-mai-Đĩnh đọc ngày mồng tám tháng tư trong dịp lễ Khánh-Đản đức Phật Thích ca . . .	13
III. — LUẬN ĐÀN	
— Kiết-Sanh Tương-tự-luận (tiếp theo)	19
IV. — KINH-HOÀ	
— Đại ý kinh Thủ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo)	27
— Kinh Thủ-lăng-Nghiêm Hân-tự (tiếp theo)	30
V. — LUẬN HỌC	
— Nhậm-minh nhập chánh-lý luận (tiếp theo)	37
— Lễ viếng Phật nam nay ở Huế	42
VI. — TIN TỨC	
— Bài giảng của Ni-cô Tâm-Nguyệt nói hôm lễ Khánh đản tại Qui-nhơn	44
— Cuộc thăm trường Phật Học	50
VII. — THÍ-LÂM	
— Thí-lâm	57
VIII. — VIỆC-VẬT	
— Công việc của Hội	61



**NAM MÔ BỒN SU
THÍCH CA MÃU NI PHẬT**

PHẬT - HỌC - HỘI NGUYỆT - SAN

VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Huế được nghị định quan Toàn-Quyền ngày 30 juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chủ giảng giải đủ các lý-thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài Pháp-văn.

Giá Nguyệt-San.....	{	một năm.....	2\$00
		nửa năm.....	1\$10
		mỗi quyển....	0\$20

Hội-Viên của Hội-Phật-Học mua Nguyệt-San thì được trừ 25%.

TÒA SOẠN : Route Nam-Giao — Hué

Thơ từ và bài vở xin gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Mandat mua Nguyệt San xin gửi cho

M. Hoàng-xuân-Ba, Quản-lý

Viên-Âm, Boîte postale N° 73 — HUÉ

Phở - Cáo

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán-thành Bản San xin ghi tên vào thơ mua Nguyệt-San rồi gửi một lần với mandat để Bản San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua Nguyệt-San để thế biên lại.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đáng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.

Quyền đầu ngũ

BÁNH VÊ

Một người đại, lưu lạc phương xa, bị đau nặng, trăm phần khổ-sở. May gặp ông thầy thuốc chỉ cho người đại phải ăn bánh đậu xanh mới lành bệnh. Người đại không biết thế nào là bánh đậu xanh, chỉ lặp đi lặp lại ba tiếng: bánh đậu xanh, lặp mãi không thấy bớt đã sanh lòng chán nản. May lại gặp một người thợ vẽ, động lòng thương xót, chỉ vẽ rạch ròi cho người đại biết thế nào là ăn, thế nào là bánh đậu xanh. Thấy còn chưa hiểu, người thợ vẽ sẵn đồ nghề lại vẽ một cái bánh đậu xanh trên tờ giấy để cho người đại dễ tìm được bánh. Ngặt vì người đại đại quá, thấy người thợ vẽ chỉ nơi bức vẽ: bánh đậu xanh là thế này, thế kia, thì tưởng bức vẽ đó thiệt là bánh đậu xanh, nên sau khi ăn bức vẽ của người thợ vẽ rồi, lại sắm đồ vẽ thêm mà ăn, ăn mãi không thấy lành bệnh thì sanh lòng nghi hoặc. Vừa may ông thầy thuốc trước lại gặp người đại đương ăn bánh vẽ, hỏi rõ đầu đuôi thì thương hại chỉ dạy cho biết đó là hình vẽ chứ không phải là bánh đậu xanh. Người đại nghe như vậy thì quyết định bánh đậu xanh khác hẳn với bức vẽ, nên cứ đi tìm những cái khác hẳn, tìm mãi không ra bánh đậu xanh thì tưởng rằng giữa đời không có bánh đậu xanh. Thế rồi người đại không tìm thuốc nữa, chỉ ôm cái bệnh đau khổ mà chờ chết.

Ai là người có bệnh xin chớ nhận lầm bánh vẽ là bánh thiệt và cũng xin chớ tưởng rằng bánh vẽ khác hẳn với bánh thiệt.



DIỄN ĐÀN

CÔNG VIỆC HOÀNG-PHÁP HIỆN NAY

Bài giảng hôm rằm tháng tư tại Phật-Học-Hội
(chùa Từ-Quang Huế)

NAM MÔ A-DI-ĐÀ-PHẬT.

Thưa quý Ngài tôi nay xin giảng về “Công việc hoàng-pháp hiện nay”.

Đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật của chúng ta, trước khi nhập diệt đã phủ chúc cho các hàng đệ-tử phải hoàng-dương Phật pháp mà hóa độ chúng-sanh. Vậy hoàng-pháp độ-sanh quyết nhiên là cái mục-đích rất quang trọng của tất cả sự hành-động của tín-đồ Phật-giáo.

Ngất vì từ khi Phật nhập-diệt tới nay đã gần 3000 năm, chúng sanh cách Phật đã lâu nên thiện căn kém thiếu, lại vì trong nước ta tín-đồ Phật-giáo không có tổ-chức đoàn-thể, chưa nào lo phần chùa nấy nên đối với công việc hoàng-pháp lợi-sanh, tín-đồ Phật-giáo trong xứ ta có chiều lãnh-đạm lắm. Vì vậy nên cả Tăng-đồ, tín-đồ xứ ta phần nhiều thất học, không thấu rõ Phật-pháp, không biết đường tu trì. Bởi lòng tin-ngưỡng không chắc chắn đó nên Phật-giáo-đồ ở xứ ta thành cái mối ngọn mặc dầu cho các ngoại đạo chia xẻ.

Đứng trước cái hiện trạng nguy hiểm như thế, các bậc trí-thức trong ba kỳ không lẽ khoanh tay ngồi ngó

để cho nền tảng đức Từ-phụ của chúng ta lay đổ hay sao ? vậy chúng ta phải phát hồ-đề-tâm chung nhau tìm cách đề hộ-trí chánh-pháp, và đem chánh-pháp mà tuyền dương cho tất cả quần chúng.

Trí thức của loài người mỗi ngày mỗi thay đổi, xưa khác nay khác ; hiện nay làn sóng Khoa-học của Âu-Mỹ đã tràn khắp trên giải đất Đông-dương, và những lý thuyết không chính đáng, những đạo lý không rỏ ràng đều có người cực lực truyền-bá hô hào giữa công chúng ; vậy thì đạo Phật muốn đem ra tuyền truyền trong thời đại này, cũng cần phải bỏ cái lối tùy-duyên hóa-độ ngày xưa mà phải tích cực lẫn lộn giữa quần chúng cực lực hô hào, thì mới chắc được hiệu quả viên mãn.

Ngày xưa đức Thích-Ca sau khi thành đạo dưới cây Bồ-đề ; liền vào các nơi thành thị tìm những kẻ có thiện-căn mà giáo hóa. Trong 49 năm ngài đã trải qua hơn 18 nước, ngày nào cũng có thuyết pháp, hễ người nào cũng tùy cơ hóa độ, đâu phải chỉ nhập định nơi cây bồ-đề, để đợi người đến cầu đạo. Về sau các vị Tổ-sư noi theo đại nguyên của Phật đi xứ này sang xứ khác mà hoằng pháp lợi sanh ; hiện nay các nước bên Á-Đông đều biết đạo Phật mà qui-ngưỡng là nhờ công đức của các vị Tổ-sư đời trước.

Các vị Tổ-sư vì đạo bồ-đề không ngại đường sá nguy hiểm đem Phật-pháp đến các xứ xa lạ, đã không đồng tiếng nói với nhau lại chưa một ai biết thế nào là Phật-pháp ; mà cũng cứ một lòng vì đạo gắng công bền chí, học tiếng nói xứ người dạy thuyết pháp, học văn-tự xứ người dạy dịch Kinh ; ngài này viên tịch thời đã có ngài khác kế chí, cho đến khi toàn thể nhơn dân đều tin-ngưỡng Phật-pháp, công trình qui Ngài biết là dường nào ?

Hiện nay công việc của chúng ta không đến nỗi khó khăn như vậy ; trong xứ ta bây giờ làng nào cũng có chùa, người nào cũng biết niệm A-Di-Đà Phật, chính một tỉnh Huế mà đã có hơn 70 cảnh chùa Thập-phương, tín-đồ đạo Phật đâu phải

là ít, chỉ vì sự thất học nên sự tin-ngưỡng không được chân-đáng, không được vững vàng đó thôi. Chúng ta thử xem trước kia các vị Tổ-sư khai sáng những tổ đình to tát một cách rất dễ dàng, mà đến ngày nay muốn tu bổ các cảnh chùa ấy cũng đã khó khăn lắm rồi; làm khi lại phải làm nhỏ lại. Thế thì biết lòng tin-ngưỡng ngày nay đối với ngày xưa kém sút nhiều lắm.

Kinh Phật có câu : “*Qui nguyện bản vô nhị, phương tiện hữu đa môn*” — nghĩa là : “tuy về phần chứng ngộ bản lai tự tính không khác, nhưng những phương pháp hoằng-dương tu trì có nhiều lối phương tiện tùy theo cơ cảm của chúng sanh”.

Thời đại đã sai khác, tư tưởng đã đổi thay, thì lối tuyên truyền Phật-pháp phải thay đổi cho thích hợp với thời đại, với tư tưởng quần chúng.

Những phương tiện tuyên truyền chánh pháp có thể thích hợp với tư tưởng hiện thời tôi xin lược kể ba điều như sau này :

Điều thứ nhất. — Tổ chức các Phật-Học Hội có hệ thống có đoàn thể để chuơng lo công việc hoằng-pháp. — Đất Việt-Nam ta xưa khác nay khác, hơn 100 năm về trước xứ ta chỉ có một minh đạo Phật, ngoài đạo Phật thì không có tôn-giáo nào khác nữa. Bởi thế nên đầu ông thầy ít học dĩ nữa, giáo-pháp ít kể truyền bá mặc dầu mà tín-đồ bao giờ cũng tận tâm sùng bái; trên có vua chiếu cố, dưới có các quan ủng hộ, thì lo gì đạo Phật chẳng trường tồn. Chưa nói chi các đời trước như đời Trần có các vị Quốc-Vương đã thế phát xuất gia, mà chính đời Nguyễn của chúng ta, đức Hiếu-Vô hoàng-đế biệt hiệu là Từ-Tế đạo nhơn cũng đã từng mời mười vị Minh-Sư bên Tàu sang nước ta dựng lập đàn cho ngài thọ giới. Nhơn đó các vị Thánh-tăng tiếp tục ra đời làm cho Phật-giáo nước nhà đề lại một đoạn lịch sử rất quang rạng.

Ngày xưa trong nước, trừ Nhô học là một nền luân-lý-học, duy chỉ một đạo Phật nên được vậy, nhưng ngày nay thì khác hẳn.

Trong nước ta hiện nay không biết bao nhiêu là Tôn-giáo, Tôn-giáo nào cũng cực lực truyền bá, có đoàn-thề có hệ-thống, khéo lò chức, nên sự truyền đạo của họ rất mau chóng. Tôn-giáo càng ngày càng nhiều, nhơn tâm càng bất nhất, lại thêm thuyết này thuyết khác lay động lòng người làm cho lúng lể chẳng biết đảng nào xu hướng ; đối với chánh pháp của Phật thì tấn thối lưỡng nan, muốn bước lui lại đảng sau thì ngại nổi đạo Phật là một đạo rất cao thâm huyền diệu, một đạo mà xưa kia, ông bà cha mẹ đã từng tin-ngưỡng sùng phụng ; còn bước tới đường trước thì dòm thấy tin-dồ Phật-giáo chúng ta, phần thì chia rẽ, phần thì thất học mà chán nản.

Vậy toàn thể Tang-dồ và tin-dồ Phật-giáo hiện thời cần phải liên hiệp cùng nhau, cho có hệ-thống, cho có đoàn thể, thì mới có thể tấn hành những công việc hoằng pháp lợi sanh một cách viên mãn.

Lại nữa Tôn-giáo là một món đức dục rất hoàn toàn, cốt để dắt dìu chúng ta bỏ tà theo chánh, bỏ dữ về lành, tuy trong các tôn giáo lý nghĩa rộng hẹp, cao thấp khác nhau, nhưng cũng không ngoài cái mục đích ấy.

Song hiện nay nước ta đang xu hướng về Khoa-Học thời tất nhiên phải có một đạo lý thích hợp với Khoa-học mới có thể đứng vững giữa phong trào mới, và làm nền tảng cho cơ quan đức dục nước nhà. Người ta thường nói : “Khoa-học tấn thì Tôn-giáo thối” câu nói ấy đối với những Tôn-giáo còn tin những ông Tạo-hóa, những lời tạo thiên lập địa, vãn vãn thì đúng ; chớ đối với Phật-giáo thì không đúng.

Như trong khi Khoa-Học đã phát minh sự thành lập của quả địa-cầu lần lữa hơn mấy mươi triệu năm, thì những thuyết ông Trời tạo thành Thế-giới trong 7 ngày, và những thuyết người ta phát sanh ở quả Địa-cầu chỉ trong vòng bốn năm ngàn năm không thể đứng vững.

Trái lại sự phát minh của khoa-học đó, rất thích hợp với cái thuyết thành, trụ, hoại, không của đạo Phật.

Lại trong các tôn giáo phần nhiều lấy nhơn loại, lấy quả địa

cầu làm trung-tâm-diêm của vũ-trụ, và cho rằng vạn vật sanh ra cốt để cho người ta thọ dụng. Những thuyết như vậy đối với sự phát minh của nhà Thiên văn học đã nhận rõ rằng quả địa cầu chúng ta chỉ là một cái hành tinh nhỏ chạy xung quanh mặt trời, mà mặt trời cũng là một cái hành tinh nhỏ, trong các hành tinh của Tinh-vân Ngân-hà ; thế chẳng những trái đất không thể làm trung-tâm-diêm cho vũ trụ, mà đầu mặt trời, đầu Tinh-vân Ngân-hà cũng chỉ là một phần nhỏ của vũ-trụ mà thôi.

Những kẻ tin trái đất là trung-tâm-diêm của vũ-trụ, cũng không khác những vi trùng ở trong giọt nước, cho giọt nước đó là trung-tâm-diêm của vũ-trụ, thiệt chỉ vì chỗ thấy hẹp hòi, nên chỗ tin sai lầm đó thôi.

Lại theo lý đồng đị mà nói, một hành tinh nhỏ mọn như quả địa-cầu đã có loài người, thì tất nhiên nhiều hành tinh khác cũng có những loài có trí-thức như loài người.

Vậy thời những lý-thuyết cho loài người là trung-tâm-diêm của vũ-trụ, chắc không đúng với sự thật. Quả địa-cầu đối với toàn-thể vũ-trụ, không khác chỉ một hạt cát ở trong bãi sa mạc, đầu mắt đầu còn thật không đủ kể; thế mà nhiều Tôn-giáo tin rằng sự phá-hoại của quả địa-cầu là sự phá-hoại của cả vũ-trụ, thảo nào người ta không bảo rằng : Khoa-học tấn thì tôn-giáo thối !!!

Trái lại Phật-giáo thường công nhận có vô lượng vô biên thế giới, cả đông, tây, nam, bắc, tứ duy thượng hạ đầu đầu cũng đều có thế giới khác cả, cho đến chỉ một Phật-sát của Phật Thích-Ca là cõi Ta-Bà, mà đã đến ngàn triệu thế giới. Phật-giáo cho rằng quả địa cầu do các cực vi địa thủy hỏa phong giả dối hiệp thành, nhà khoa-học cho rằng quả địa cầu do nhiều chất nguyên-tố duyên nhau hợp thành. Phật Thích-Ca ngài nói : «Ngài xem trong một bát nước có đến tám muôn bốn ngàn vi trùng ». Phật nói trước gần 3000 năm, đến ngày nay khoa-học tìm được kinh hiền-vi, họ cũng công nhận rằng trong một giọt nước có đến vô số vi trùng ; thế thì biết khoa-học càng mở mang bao nhiêu, thì càng rõ Phật-giáo đúng với sự thật bấy nhiêu.

Hiện nay khoa-học có thể gọi là chủ-nhơn-ông của quả địa cầu, vì khoa-học chẳng những đã đánh đổ các thần-giáo mà triết-học hiện thời cũng chỉ là một món phụ họa của khoa-học mà thôi. Thế lực của khoa-học rất to tát, sự kinh nghiệm của khoa-học rất đúng đắn, hiệu quả của khoa-học rất xác thiết, nên trước kia người đời ai ai cũng trông nơi khoa học để tạo hạnh phúc cho nhơn loại.

Từ khi trận đại-chiến bên Âu-châu, các nước tinh cứu về khoa-học đã chạm nhau một cách dữ dội, họ dùng khoa-học mà chiến đấu với khoa-học, đến đời thầy chất tợ non, máu trôi như suối, sanh ra những sự thống khổ vô hạn, thì cho người đời phải bắt đầu nghi hoặc rằng : khoa-học không phải là một phương pháp có thể đào tạo hạnh phúc. Chẳng những vậy, nếu khoa-học càng ngày càng mở mang, máy giết người càng ngày càng tinh xảo, thì e một ngày kia khoa-học sẽ trở thành cái lợi khi dễ tiêu diệt nhơn loại.

Trong Kinh Phật có dạy : « Trong thời kỳ nhơn loại ít tu phước đức, ham việc chiến đấu, thì những lá cây, những cục đất, có thể thành lợi khi giết người », e thời kỳ ấy là thời kỳ khoa-học tấn bộ dấy chang ?

Đối với những tai hại của khoa-học, có người nói rằng : « đó không phải là lỗi tại khoa-học mà chính là lỗi tại lỗi dùng lầm khoa-học » ; lời ấy ai ai cũng công nhận là đúng, vì khoa-học là một lợi khi tính nhuệ, đúng về lỗi phải có thể làm cho người gần chết được sống lại, mà dùng về lỗi quấy thì có thể làm cho người đương sống phải chết.

Song muốn khỏi dùng lầm khoa-học thì phải thế nào ? Điều ấy chẳng những khoa-học không thể giải quyết, mà những tôn-giáo đã bị khoa-học đánh đổ, những triết-học đã trở nên món phụ tùng của khoa-học, quyết định không thể giải quyết được.

Suy cùng nghĩ tận duy có Phật giáo có thể bỏ cứu cho cái khuyết-diễm của khoa-học, duy có Phật-giáo, là một tôn-giáo rất thích hợp với khoa-học, có thể cải tạo nhơn tâm hiện thời, làm cho khoa-học khỏi bị dùng lầm mà thôi.

Vậy công việc hoàng-pháp lợi-sanh của chúng ta ngày nay chẳng những cốt để bảo tồn một giáo-lý tối cao tối thượng rất có ảnh hưởng cho nền đạo đức nước nhà, mà lại có thể hỗ-cứu cho thế-đạo nhơn-tâm, làm cho nhơn loại khỏi dùng lầm khoa học mà giết lẫn nhau, hầu mong khoa-học một ngày kia sẽ thành một lợi khí để đào tạo hạnh phúc cho nhơn loại.

Đối với cái mục đích to tát như trên, một người, hai người, một chùa, hai chùa không thể làm nổi ; chúng ta cần phải liên hiệp tất cả tín đồ Phật giáo, chung nhau làm một đoàn thể, có trật-tự, có hệ-thống, có tôn-chỉ, có những lối tổ-chức hoàn mẫn, thì mới có thể đạt đến mục đích ấy được, vì vậy nên phải lập ra các Phật-Học-Hội.

Điều thứ hai. — Tổ-chức Phật-học-đường để đào tạo các bậc pháp sư, đủ tài lực mà hoàng-dương Phật giáo. — Có nhơn có câu : “*Duy nhơn hoàng-đạo, phi đạo hoàng-nhơn*” muốn tuyên truyền Phật-pháp, chúng ta cần phải đào tạo các ông thầy thông hiểu Phật-pháp mới được. Ngày xưa trong xứ ta chỉ có đạo Phật, các ông thầy đều không học thức gì nữa cũng chẳng hại mấy ; đến ngày nay thì khác hẳn, trong các tôn-giáo, muốn làm một ông giảng-sư ít nữa cũng phải học độ 10 năm, các ông giảng-sư ấy phải tích cực đem chỗ sở học mà truyền bá tôn-giáo của mình.

Nếu đối với các ông thầy của đạo khác như vậy, đạo Phật của mình chỉ đưa ra những ông thầy chưa hề học một chữ, chưa hề biết Phật là chi thì nguy hiểm biết chừng nào !

Vậy chúng ta cần phải lập các Phật-học-đường, để cho học sanh học Phật-pháp và học các pháp luận-lý đặng có thể phò bầy chỗ chơn chánh của đạo Phật trên đường ngôn luận.

Các Phật-học-đường lại cần phải dạy đủ sự, đủ lý, để đào tạo những ông thầy : về khải-giáo đủ hiện bực đường chánh nẻo tà ; về thân giáo đủ làm gương giải thoát cho mọi người, về ý-giáo đủ hộ niệm cho tất cả chúng sanh ;

lại có đoàn-thể, có trật-tự, đeo đuổi theo một tôn-chủ, thật hành theo một chương trình, thì mới có thể đem giáo lý thâm thâm của Phật truyền bá khắp cả mọi nơi, cải tạo cái tâm tham, sân, si của chúng sanh hóa thành cái tâm từ bi sáng suốt.

Điều thứ ba. — Sáng lập những giảng đường trong các nơi đô hội và xuất bản những san-chí dạng tuyên truyền Phật-pháp. —

Như trên đã nói, xứ ta hiện nay tôn-giáo vẫn nhiều, nhưn tâm bất nhất, tôn-giáo nào cũng có các san-chí để truyền bá, đều có các giảng đường nơi đô hội để tuyên dương ; nếu đạo Phật xứ ta cứ theo lối cũ, là lối tùy-duyên hóa-độ, nằm yên trên núi đợi cho có người đến cầu đạo mới hoằng-pháp thì e một ngày kia trong xứ ta không còn mấy ai biết thế nào là Phật-pháp nữa.

Vậy hiện nay chúng ta cần phải lập các giảng đường ở nơi đô hội, để tiện bề cho mọi người lui tới dạng nghe pháp, đem pháp-âm của Phật mà chen vào những tiếng hô hào của các chủ nghĩa tàn bạo, của các đạo lý mờ hồ, dặng cho ai ai cũng biết chỗ phải mà theo, chỗ quấy mà bỏ.

Lại chúng ta cần phải xuất bản các san-chí để truyền bá tinh thần Phật giáo khắp mọi nơi, để cho những người đạo Phật biết đạo mình là tối cao tối thượng, khỏi theo những lời phiến-hoặc của kẻ tà ngoại.

Công trình hoằng-dương Phật-pháp của xứ ta, hiện nay đại thể như vậy. Muốn thân tẩm các cơ quan hoằng-pháp ấy về một nơi cho tiện bề trao đổi ý kiến, các hội Phật-học cần phải có Hội-quan lớn lao tại nơi đô hội, để liên hiệp các tín đồ Phật giáo mà chung lo công việc, để lập thành các Phật học đường đủ sự đủ lý, để làm thoan máy cho sự hoằng-dương Phật-pháp giữa quần chúng.

Nói tóm lại thời đại đã sai khác, tư tưởng đã đổi thay, thì công việc hoằng-dương Phật-pháp cần phải thay đổi cho hiệp với thời đại, hợp với tư tưởng.

Song mục đích các Hội hoàng-dương Phật-pháp, như Hội Phật-học Huế đây, có thành tựu hay chăng là nhờ lòng cực lực tán thành của toàn thể tín đồ Phật giáo.

Chúng tôi rất trông mong nơi lòng bồ-đề của các thỉnh giả.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH-CÁ MÀU-NI PHẬT

CHANH-QUANG

Học sinh trường Trung-học



**BÀI DIỄN-VĂN CỦA ÔNG LÊ-MAI-ĐÌNH ĐỌC
NGÀY MỒNG TÁM THÁNG TƯ TRONG DỊP LỄ
KHÁNH-ĐẲNG ĐỨC PHẬT THÍCH-CA**

*Giáo-lý nhà Phật thích hợp với tâm-tinh, phong-tục
người nước ta và bỏ cứu được phong-
trào vật-chất đời hiện tại.*

Hôm nay mồng tám tháng tư là ngày lễ Phật-dân đức Thích-CA Mâu-Ni, tục ta thường gọi là ngày Bụt-sinh. Những sự tích của ngài và những nhơn-duyên gì mà ngài xuất thế, hội Phật-giáo Bắc-Kỳ, Nam-Kỳ và hội Phật-giáo Trung-Kỳ chúng ta đã diễn giảng nhiều lần, tưởng quý ông quý bà đã từng nghe rõ, nay tôi chỉ xin lược thuật rằng ngài là một vị Thái-tử con vua, thế mà ngài không màng đến sự phú quý thế-tử, ngài chỉ một niềm thương xót chúng sanh đắm chìm bể khổ, ngài quyết chí xuất-gia cầu đạo để giải thoát cho chúng sanh ; xem như khi ngài thành đạo rồi, trong 49 năm, ngài thuyết-pháp khắp cả mọi nơi, hóa-độ biết bao nhiêu chúng sanh được giải-thoát và bước lên con đường chính giác ; những giáo-lý của ngài còn truyền trong kinh tạng, dù trải qua biết bao nhiêu thế-kỷ, vẫn thanh-hành khắp cõi Ấ-Đông, không những xứ Ấ-Đông mà thôi đâu, cả đến các nước văn-minh bên Âu-Mỹ, cũng có nhiều người tu theo đạo ngài, vì họ đã nhận rõ đạo ngài là một đạo rất thiết-thực, rất viên-mãn, không những ngài dạy cho ta biết cách tu hành để giải-thoát ra ngoài vòng sanh, lão, bệnh, tử, là bốn cái cảnh khổ của loài người mà trong việc thế-gian, về đường luân-thường thời ngài dạy lối báo đáp tứ-ân, lễ bái lục phương, về đường thực-tế thời ngài dạy cách tư sinh sự nghiệp, phép học ngũ-minh ; ngài dạy đủ cả các phương-diện. Xem thế biết đạo Phật cao siêu huyền-diệu thiết, viết không cùng mà nói không hết được, nên chỉ ông Lạc-Thỹ-Không người nước Đức, có làm bài phán đoán rằng: « Tất cả

các tôn-giáo, cho đến khoa-học, triết-học trong thế-giới, không có giáo-lý nào hơn được giáo-lý Phật », lời phán đoán ấy thật là xác đáng. Vậy nay tôi xin tham-cứu giáo-lý Phật mà thiển ra hai vấn-đề sau này, để chất chính cùng các bậc thiện-tri-thức.

1) Giáo-lý nhà Phật thích-hợp với tánh-tinh, phong-tục người nước ta.

2) Giáo-lý nhà Phật bổ cứu được cái phong-trào vật-chất đời hiện tại.

Sao gọi là đạo Phật thích-hợp với tánh-tinh, phong-tục người nước ta?

Nước ta là một nước lấy đạo Phật làm tôn-giáo trên hơn 1000 năm về trước, xem trong lịch-sử thời biết đạo Phật truyền sang nước ta từ đời nội-thuộc, rồi về sau nhà Đinh, nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê đều nối theo nhau mà tôn-sùng Phật-giáo, tuy lúc bấy giờ đã có Nho-giáo, nhưng hai bên cùng theo một tôn-chủ, cùng đồng một xu hướng, không trái với nhau, nên đều được triều-đình chú trọng có mở ra khoa thi Nho-Thích hợp một ; lúc đó nhân-tài trong nước nhiều, những bậc cao-tăng đạo-sĩ đem giáo-lý Nho và Thích dung hợp lại mà giúp đỡ việc nội-trị, ngoại-giao cho quân-quốc, ai có đọc đến sử nước nhà mới biết đạo Phật rất bổ ích cho tánh-tinh, phong-tục nước nhà lắm lắm. Vậy nay chúng ta tu theo đạo Phật, tức là theo con đường quang minh chính đại, mà các bậc tiền nhân ta đã từng xu hướng có xa lạ gì đâu. Tuy ngày nay trong nước ta có nhiều tôn-giáo khác, nhưng đạo Phật vẫn đứng cái địa-vị chủ-nhân, nhà nước vẫn công-nhận, nhân-gian vẫn sùng-thượng ; tôi thường thấy làng nào cũng có chùa thờ Phật, đi nơi nào cũng gặp phần nhiều là con nhà Phật-tử, tuy biết có người vốn là con nhà Phật-tử thật, mà cả năm không tới chùa một lần nào, không biết kinh kệ là gì, nhưng trong nhà họ vẫn chứa chan tinh thần Phật-giáo của tiền nhân truyền lại, nên thỉnh thoảng phát lộ ra những tánh-tinh cảm-tưởng, có nhiều điều ám hợp với Phật-lý, đó không phải người mình quá mê-tin, quá cố-chấp, chính là cái tánh-tinh phong-tục

người mình tiếm nhiệm đạo Phật được nhiều lắm rồi ; vì thế tôi dám quyết rằng đạo Phật thích hợp với tánh tình, phong tục nước ta. Có người bảo rằng mỗi thời buổi mỗi khác, thời nào theo thời nấy, hiện nay người mình tánh tình hoạt động, phong tục cải-lương cũng nhiều, không thủ-cựu nữa, nào là thuyết tự-do, nào là thuyết bình-quyền, nào là thuyết xã-hội cứu tế ồn ào sôi nổi, chứ có phải từ-bi tự tại như Phật đâu, mà lại bảo đạo Phật thích hợp với tánh tình phong tục người mình được. Tôi xin trả lời rằng, người nói đó không những chưa hiểu đạo Phật là thế nào, mà bình phẩm tánh tình, phong tục người mình như vậy cũng chưa xét đáng. Nguyên người mình nhờ được cái tính thần Nho-Thích dung hợp lại đào tạo ra cái tánh tình, phong tục rất tốt ; tuy từ ngày Nho-Thích không được phổ thông, còn Âu-Hóa thời chưa được tiếm nhiệm cho lắm, cũng có người vì hoàn cảnh mà thay đổi tánh tình, phong tục, tự do mà phạm đến pháp luật, bình đẳng mà mất cả trật tự, nhưng đó là số ít ; còn toàn thể phần nhiều người mình tánh hiếu tịnh, mà đạo Phật vốn đạo thanh tịnh, tánh hiền lành mà đạo Phật vốn đạo từ bi, tục người mình vốn thuần-phát, mà đạo Phật thời cấm xa hoa, tục người mình trọng luân thường mà đạo Phật thời nghiêm giới luật, như thế có phải thích hợp hay không, mà lại bảo đạo Phật không thích hợp với người mình sao được. Còn như bảo rằng tự-do, bình-quyền, cứu tế, thời đạo Phật là một đạo cứu đời, tự do có, bình đẳng có, bác ái có, mà những lý thuyết bình đẳng, tự do, bác ái của nhà Phật là chân chính, là viên mãn hơn lý thuyết của thế gian nhiều ; xem như Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh, đều có thể thành Phật được, thế thời cái tính thần bình đẳng biết là dường nào ; ngài lại dạy rằng không vương vít gì, không ngăn trở gì rất thung dung nhân hạ, thế thời tính thần tự do biết là dường nào ; còn như lý thuyết bác ái, thời ngài dạy không những loài người nên bố thí lẫn nhau, mà cả đến đối với loài cầm thú hữu tính cũng nên thương nó, nên ngài có đặt ra giới cấm sát sanh là thế, thế thì biết cái tính thần

bác ái biết là đường nào. Vậy ngày nay chúng ta muốn cho người mình đừng có cái tính bạo động, đừng có cái thói kiêu bạc, cứ giữ một dạ trung thành, một lòng lương thiện, để tạo thành một cái nhon cách hoàn toàn, thời chúng ta nên nghiên cứu và thực hành giáo lý nhà Phật.

Sao gọi là đạo Phật bồ cứu được cái phong trào vật chất đời hiện tại?

Đời văn minh vật chất này, khôn sống bống chết, mạnh được yếu thua, là lẽ rõ ràng, ai cũng biết, vậy thì cái gì tạo thành được đời văn minh vật chất này, có phải là nhờ năng lực của khoa-học hay không? thưa phải, chính nhờ năng lực của khoa-học mới tạo được đời văn minh vật chất đấy; khoa-học kỹ công diệu xảo, việc gì cũng tìm xét đến nơi đến chốn, đã phá tan biết bao nhiêu màn u ám giữa đời, và đã xô đổ cội rễ tất cả các lòng mê tín, khoa-học đã mở ra một cái hoàn-cảnh tinh xảo mới mẻ cho nhân-loại, làm cho lắm người đời rất trông cậy vào khoa-học để tạo-thành hạnh-phúc cho nhân-loại nhưng thử xem hiện nay đã tạo được hạnh-phúc hay chưa? thưa chưa được, vì khoa-học thiếu một bên tinh-thần, chỉ chú trọng về bên vật-chất, đã là vật-chất, tức là một vật vô-thường có gì là vững bền chắc chắn. Ta thử xem Trường-Thành của Tần-Thủy-Hoàn kiên cố biết bao, mà cũng bị Hung-Nô phá tan trong một lúc, Đồng-trụ của Hán Mỗ-Viên vững bền biết mấy, mà cũng bị thời gian che lấp tự bao giờ, thời đủ biết vật chất không sống lâu bằng tinh-thần được, huống chi lòng người đã sẵn có ba cái độc là tham, sân, si, nó sinh ra tự lúc thân ta mới sinh, cũng như một chứng bệnh di-truyền đời này qua đời nọ, kiếp này qua kiếp nọ, không thuốc gì chữa được chỉ có Phật-pháp chữa được mà thôi; Phật-pháp có đủ phương-pháp trừ căn bệnh ấy, nếu người đời không tin đúng Phật-pháp để ngăn ngừa ba cái độc đó lại, mà cứ tùy nó sử linh làm cho mẫn nguyện, thời lẽ tất nhiên ghen ghét nhau, tranh đánh nhau, rồi nghĩ ra cách này, chế ra thức nọ, để đánh giết nhau, thành thử khoa-học vốn hay mà người đời dụng nó làm những việc không hay, thời làm sao tạo thành hạnh-phúc cho

loài người được ; khoa-học đã chưa tạo được hạnh-phúc mà lại làm cho loài người trông thấy biết bao nhiêu là những cảnh-tượng thê thảm, tức như Âu-chiến nam 1914 kéo dài đến năm 1918, làm cho cuộc hòa bình thế giới bỗng dưng hóa ra một trường não nhiệt, khổ-não, đó cũng đủ chứng rằng một mình khoa-học không đủ sức tạo thành hạnh-phúc cho nhân-loại được. Vả chăng khoa-học chỉ là một món trong muôn phép của Phật-pháp mà thôi, xem như khi khoa-học chưa phát-minh mà Phật đã dạy ra những câu : “Giữa chốn hư-không có vô số thế-giới liên lạc với nhau như chuỗi hạt châu, vậy có khác gì cái thuyết nhà thiên-văn đời nay bảo trong không - trung có vô số tinh-tú, họ hấp cùng nhau ; lại như câu Phật xem trong một chén nước có tám vạn bốn ngàn con vi-trùng, thời có khác gì cái thuyết nhà Sinh-vật-học đời nay bảo lấy kính hiển-vi xét thấy chất nước có nhiều con vi-trùng. Đó là tôi cử một vài câu đề dẫn chứng, chớ trong ba tạng mười hai bộ kinh còn biết bao nhiêu lý-thuyết khoa-học ; duy Phật là bậc giác-ngộ hoàn toàn, ngài thấu rõ cái vọng tâm người đời bị ba cái độc tham, sân, si chưa sao chữa được, mà vật-chất lại làm cho ba cái độc đó thêm hang hải ben nũa, nên ngài phải dạy người trước phải mình tâm kiến tánh, trong tinh-thần sau mới trau dồi vật-chất, thời khoa-học mới có thể có lợi mà không có hại, có hay mà không có dở. Vậy nay ta muốn bồ-cửu cái phong-trào vật-chất cho được hoàn-toàn, thời nên lấy cái tinh-thần Phật-giáo dung-hợp lại, hề có tinh Phật-giáo thời khi ra làm công việc gì cũng hợp với Phật-pháp cả, như thế thời lần sóng văn-minh vật-chất càng bành-trướng bao nhiêu, càng được êm lạng bấy nhiêu, mà càng êm lạng bao nhiêu lại càng tạo-thành hạnh-phúc cho nhân-loại bấy nhiêu, câu đại đồng thế-giới của Thánh-nhơn đời xưa có lẽ đem ra tụng sau khi Phật-giáo thịnh-hành khắp cả toàn cầu, quyết không nghi ngờ gì nữa.

Kể luận, tôi xin nguyện rằng anh em đạo-hữu chúng ta nên đem đạo Phật ra mà bàn luận với nhau, chớ nào không xứng đáng thời cứ công kích, cứ bài-bác, vì cớ công kích, có bài-

bác thời mới chịu tham-cứu đến kinh tạng, mà đã có công tham cứu đến kinh tạng, thời sớm muộn thế nào cũng hiểu được đạo Phật là đạo mẫu-nhiệm, đến lúc mỗi thuyền đã bến, mành đạo đã ưa, thời công tu luyện càng ngày càng tiến càng đồng mãnh, chứ không bao giờ chán nản nữa; tức như cụ Trương-Thương-Anh là bậc đại-nhỏ đời nhà Tống, trước làm bài Vô-Phật-Luận đề bài bác Phật, mà sau lại tín-ngưỡng Phật một cách rất nhiệt-thành, cụ Trương-Anh-Siêu là bậc đại-nhỏ đời nhà Trần, trước cũng làm bài bi-kỷ đề công kích Phật, mà sau lại khâm-phục Phật một cách rất kiên cố, lại như Trung-kỷ, ta có cụ Nguyễn-Đăng-Giai, trước cũng chống báng Phật mà sau lại tin theo đạo Phật đến cực điểm, hiện có xây chùa dựng tháp khắp các tỉnh Trung, Bắc-kỷ,* đến nay vẫn còn di-tích, đó là vì các ngài trước chưa hiểu thời công kích bài bác, đến khi đã hiểu lẽ tất nhiên phải tín-ngưỡng khâm-phục; xem thế thì biết đạo Phật cảm hóa rất mẫu-nhiệm, không phải lấy tiền bạc mua lòng người, cũng không phải lấy mưu chước lừa dối người, đạo Phật chỉ lấy cái đức đại-từ-bi, đại-hùng-lực, cảm hóa một cách rất thâm; kinh có câu “Không có đại-từ-bi không phải là Phật, không có đại-hùng-lực cũng không phải là Phật, vì có đại-từ-bi, đại-hùng-lực mới nên được công tể-độ,” thế cho nên những bậc cang-chính cốt ngành như cụ Trương-Thương-Anh, cụ Trương-Anh-Siêu, cụ Nguyễn-Đăng-Giai, còn phải hồi hướng theo Phật, huống nữa là chúng ta đây, vậy ai là con nhà Phật tử mà còn đứng ngoài vòng nghi ngờ chưa quyết, thời xin quyết định vào chân Hội Phật-học với chúng tôi, đề cùng nhau lo chung việc hoằng-dương Phật-pháp, may ra có đạo-tạo được một cái tánh tình phong tục tận thiện mỹ trong thời đại văn-minh vật-chất này.

LÊ-MAI-ĐÌNH





KIẾT - SANH TƯƠNG - TỤC LUẬN

(liếp theo)

3^o) A - Lại - Đa Duyên - Khỉ

Các pháp-môn trước tuy đã chỉ rõ nhơn-quả của sự kiết-sanh tương-tục nhưng chưa chỉ đích cái nguồn gốc nhơn-quả, nên khó bề phát khởi tín-tâm cho những bậc thượng-cần thượng-tri. Vì vậy nên trong các kinh phương-đẳng, Phật lại khai-thị cho biết cái nghĩa « A-lại-da duyên-khỉ ». Theo nghĩa ấy thì sự sự vật vật đều do chúng-tử trong đệ-bát-thức (A-lại-da) phát khởi ra cả.

Nói tâm chúng ta hiện nay, chúng ta chỉ biết có 5 thức trước là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân và có đệ-lục-y-thức là cái thức biết mình, biết người, biết ưa, biết ghét mà thôi ; nay nghe nói có cái thức thứ tám thì chỉ cho khỏi có người nghi hoặc. Vậy trước khi nghiên cứu cái nghĩa A-lại-da-thức duyên-khỉ, chúng ta cũng nên suy xét rõ vì sao nhận biết được rằng chúng ta thiệt có đệ-thất-thức và đệ-bát-thức.

Trước hết, chúng ta cần phải rõ phạm vi của đệ-lục-y-thức cho khỏi sự lầm lạc. Đệ-lục-y-thức là cái thức phân biệt rõ ràng muôn sự muôn vật, biết suy nghĩ, biết tìm tòi, biết thể này là mình, thể kia là người, vật này là cái bàn, vật kia là cái ghế, biết nhớ tưởng các việc quá khứ, biết ước-đặt các việc vị lai, cho đến biết lo, biết buồn, biết thương, biết giận. Nói tóm lại, hiện nay chúng ta biết các cảnh vật một cách rạch ròi đều nhờ đệ-lục-y-thức cả. Đệ-lục-y-thức

của chúng ta vẫn biết rạch rồi thật, song từ nhỏ đến lớn, cái lối biết rạch rồi đó, tùy chỗ học hỏi, tùy chỗ kinh-nghiệm có thay đổi nhiều, như người học chữ Hán thì biết chữ Hán, người học chữ Pháp thì biết chữ Pháp, người học kế-toán thì biết kế-toán người học vật-lý thì biết vật-lý, thiết không thể quyết định cái đệ-lục-y-thức chúng ta về sau sẽ ra thế nào cả.

Song xét lại thì thời-kỳ chúng ta học-tập khác với thời-kỳ chúng ta thực-dụng, vậy trong thời-gian giữa hai lúc đó, những sự chúng ta đã học tập rồi, chúng ta cất vào chỗ nào mà đến khi thực-dụng lại có thể đem ra mà thí-thố.

Chúng ta cất những sự học ấy trong đệ-lục-y-thức chăng ? Đệ-lục-y-thức là một thức gián-đoạn như đến khi ngủ mê, không phân biệt rạch rồi thì đã không có đệ-lục-y-thức nữa. Vậy nếu chúng ta cất trong đệ-lục-y-thức, đến khi ngủ mê đệ-lục-y-thức không có, những điều đã cất tất nhiên phải theo đệ-lục-y-thức mà mất luôn, thì làm sao lại còn nhớ được những chuyện mấy mươi năm về trước.

Hay là chúng ta cất trong ngũ thức chăng ? Ngũ-thức cũng gián-đoạn, lại mỗi cái mỗi phần việc, làm sao cất đủ mọi sự đã kinh-nghiệm giữa hoàn-cảnh.

Chúng ta suy xét như vậy thì biết thế nào chúng ta cũng phải có một thức khác, một cái thức không gián-đoạn đựng làm cái kho để chứa những sự đã học tập của chúng ta. Cái thức kho chứa ấy, trong đạo Phật gọi là tạng-thức, là A-lại-da-thức. Song tuy tạng-thức nắm giữ những sự học tập cho khỏi mất, mà lối nắm giữ đó chắc không phải thiết như lối nắm giữ của một cái kho cất vật hạn ; vì tạng-thức là vô-hình, làm sao lại chứa cất được các vật hữu hình. Lại nếu tạng-thức thiết nắm giữ như một cái kho, thì lớp trước, lớp sau không thể xen lộn, mà đến khi chúng ta muốn nhớ một việc mươi năm về trước, tất nhiên lại phải ôn hết tất cả các công việc trong mười năm ấy, chớ có đâu lại gặp việc nhớ liền cho được. Vậy lối nắm giữ sự học tập trong A-lại-da-thức là về lối huân-tập. Huân nghĩa là ướp, tập nghĩa là

luyện thành thói quen. Vì như một gói trà, ướp bông sen thì nước trà có mùi sen, ướp bông lái thì nước trà có mùi lái, mà bản-chất gói trà vẫn không thay đổi ; A-lại-da-thức cũng vậy, A-lại-da-thức vẫn là A-lại-da-thức mà tùy chỗ tập luyện hằng ngày, A-lại-da-thức lại có cái năng-lực thể này hay cái năng-lực thể khác; như tập luyện làm toán thì A-lại-da-thức phát sanh ra cái ý-thức biết làm toán, tập học luận-lý thì cái A-lại-da-thức có cái năng-lực phát sanh ra có cái ý-thức biết luận-lý, vân vân. A-lại-da-thức chẳng những chịu luân-tập về một hiểu biết, lại còn chịu luân tập về mặt tánh-hành, như một người tập lối kiêu-mạng thành thói quen, thì người ấy hóa ra có tánh kiêu-mạng, một người tập lối khiêm-tốn thành thói quen thì người ấy hóa ra có tánh khiêm-tốn.

Hiện nay chúng ta được biết thiết có cái A-lại-da-thức chịu luân-tập như trên, song cái A-lại-da-thức ấy cần phải có tánh-cách gì mới có thể chịu luân-tập, vì nếu tánh nó là lãnh thì tất nhiên không thể chịu luân-tập các điều dữ, còn nếu tánh nó là dữ thì cũng không thể chịu luân tập các điều lành. Nay A-lại-da-thức chịu luân-tập đủ cả điều lành điều dữ thì tất nhiên A-lại-da-thức phải có cái tánh-cách không nhất định là lãnh là dữ và không phân biệt sự lành sự dữ. Lại nữa, những sự học tập lâu năm hiện chúng ta có thể nhớ được, vậy A-lại-da-thức tất nhiên phải tiếp tục mãi, không gián đoạn mới đủ cái năng-lực bảo tồn các sự luân-tập về quá-khứ.

Lại A-lại-da-thức cần phải có quan-hệ mật thiết với các thức trước mới có thể phát-khởi ra các thức và lãnh-thụ những sự luân-tập nơi các thức trước. A-lại-da-thức đã có những tánh-cách như vậy thì chính nơi A-lại-da-thức, quyết không thể có các sự chấp trước, các món thành-kiến, quyết không có phân biệt điều lành điều dữ, điều ô-nhiễm, điều thanh-tịnh, như một cái kho gấp vàng thì chứa vàng, gấp đá thì chứa đá, tuy vàng đá có khác, nhưng cái kho vẫn không phân-biệt vàng với đá. Đệ-hất-thức đã như vậy, thì vì sao trong lúc đệ-lục-ý-thức chúng ta phát ra các thiện niệm, quán cái lý vô ngã mà

thăm thăm bề trong vẫn không khởi chấp ngã, vậy cái thăm thăm chấp ngã bề trong đó về thức nào? Về đệ-lục-thức chăng? Không lẽ như vậy, vì đệ-lục-thức lúc ấy đương phát thiện-niệm, đương quán vô-ngã, lẽ nào lại còn chấp-ngã. Về A-lại-da-thức chăng? Cũng không phải, vì A-lại-da-thức phải có cái tánh-cách không phân biệt lãnh dữ, không thiện không ác, mới có thể chịu luân-tập về các phương-diện, chớ nếu đệ-bát-thức thiết có chấp ngã, thì làm sao các vị quán vô-ngã lâu ngày lại được cái tánh không chấp ngã, gọi là vô-ngã-tri. Vậy cái thức làm cho chúng ta trong lúc phát thiện-niệm, quán vô ngã mà vẫn thăm thăm chấp-ngã đó là cái gì? Xét cho kỹ thời biết phải có một cái thức riêng, cái thức ấy tuy không giao-tiếp với ngoại-cảnh, tuy không phân-biệt rạch ròi, nhưng vẫn thường thường chấp ngã, cái thức chấp ngã đó tức là đệ-thất-thức. Trong khi chúng ta ngủ mê vẫn không biết gì, nhưng xét cho kỹ vẫn thăm thăm chấp ngã, đó là do công-năng của đệ-thất-thức.

Đệ-thất-thức cũng có tên là mặt-na-thức. Chúng sanh luân-hồi trong lục-đạo, hết nhận thân này đến nhận thân khác làm mình đều vì cái đệ-thất-thức của chúng sanh thường thường chấp ngã đó thôi.

Có người lại nghĩ rằng đệ-thất-thức đã không gián-đoạn thì cứ cho rằng đệ-thất-thức chịu luân-tập cũng được, cần gì phải lập thêm đệ-bát-thức. Nghĩ như vậy là không đúng, vì đệ-thất-thức đã có thành-kiến, nghĩa là đã thăm thăm chấp-ngã, thì quyết định không thể chịu luân-tập theo các lối quán vô ngã; nếu vậy thì người mê phải mê mãi, làm sao lại có người được giác-ngộ; xét như vậy thì quyết định có đệ-thất-thức.

Đệ-thất-thức đã thường thường chấp ngã, khi ngủ cũng chấp, khi thức cũng chấp, khi chủ ý cũng chấp, khi không chủ ý cũng chấp, vậy đệ-thất-thức đã là năng-chấp tất nhiên phải có cái gì làm cái sở-chấp. Lại cái năng-chấp đã không gián-đoạn, thì cái sở-chấp quyết định cũng không thể gián-đoạn; cái sở-chấp không gián-đoạn đó xét ra duy có đệ-bát-thức là đủ tánh-cách mà thôi; vậy đệ-bát-thức chính là cái thức đã bị đệ-thất-thức chấp làm cái ngã.

Đệ-bát-thức trong khi chịu luân-tập hóa ra có nhiều thói quen, có nhiều năng-lực gọi là chủng-tử, như chủng-tử tham thì sanh lòng tham, chủng-tử nghi thì sanh lòng nghi, song các chủng-tử lại cần phải nhờ nhiều trường-hợp giúp đỡ mới phát-khởi ra hiện-hạnh, nghĩa là sanh ra cái tự-quả của mình. Ví dụ như có người sẵn có tánh hay giận, đó là sẵn chủng-tử, đến khi người ấy phát ra cơn giận thì gọi là sẵn-hiện-hạnh. Sẵn-chủng-tử mà phát ra được sẵn-hiện-hạnh, tất nhiên cần phải có các trường-hợp giúp đỡ, phụ-trợ vào, như thấy đều chướng mắt, nghe việc trái tai, chỗ không lẽ tự nhiên mà nổi cơn giận. Các trường-hợp vẫn có ảnh hưởng thiệt, nhưng đối với một trường-hợp như nhau, có người không giận, có người giận ít, có người giận nhiều đều do chỗ luân-tập sẵn-chủng-tử nơi đệ-bát-thức từ trước.

Đã thành-lập đệ-thất-thức, đệ-bát-thức rồi, chúng ta nên nghiên-cứu thế nào là A-lại-da-duyên-khí.

Theo nghĩa A-lại-da-thức duyên-khởi thì tất cả sự sự vật vật giữa đời đều do các chủng-tử nơi A-lại-da-thức phát-khởi ra cả. Trong một thời-kỳ sống còn, A-lại-da-thức nắm giữ căn-thân, khí-giói cho khối hư-nát và thấu góp các sự luân-tập. Đến khi cái quả của sự luân-tập đời trước hết rồi thì đệ-bát-thức không chấp cái thân đó nữa, nên thân đó phải chết và lần lần hư-nát (những bực vào định tứ-thiền không có hơi thở, những bực vào định vô-tưởng không có ý-thức, những bực vào diệt-tân-dịnh không có thất-thức mà thân-thể không hư-nát là nhờ có đệ-bát-thức chấp-trì vậy). Khi đã chết thì các thức ngoài đều tiêu diệt, duy còn đệ-thất-thức với đệ-bát-thức mà thôi. Đệ-thất-thức chỉ một mặt chấp đệ-bát-thức làm ngã chớ không biết gì, còn đệ-bát-thức thì tùy chỗ luân-tập mà biến ra cõi này cõi khác. Nói cho đúng thì từ vô-thỉ đến nay, đệ-bát-thức xoay vần trong lục đạo, vẫn đủ tất cả các chủng-tử, nghĩa là đủ các năng-lực phát-sanh ra căn-thân, khí-giói của các nghiệp, song tùy chỗ mới luân-tập, có chủng-tử đủ trường-hợp mà phát-khởi hiện-hạnh, lại có chủng-tử không đủ trường-hợp mà phát-khởi hiện-hạnh. Vì các chủng-tử đủ trường-hợp phát-khởi hiện-hạnh kia mà cái tướng của A-lại-da-thức phải biến đổi thành ra thức cõi này

hay thức cội khác. Ví dụ như một người vừa chết, A-lại-da-thức của người ấy vẫn đủ tất cả các chủng-tử của nghiệp trời, của nghiệp tu-la vân vân, song vì người ấy trong một đời tạo các thượng-phẩm phước-nghiệp, nên chủng-tử nghiệp trời đủ trưởng-hợp mà phát-khởi hiện-hạnh ; A-lại-da-thức nhưn đó mà đổi thành thức của cội trời và người ấy được thọ-sanh lên cội trời ; trái lại, nếu trong một đời người ấy làm các nghiệp độc dữ thì chủng-tử địa-ngục đủ thể-lực mà phát-khởi hiện-hạnh ; A-lại-da-thức của người ấy biến thành A-lại-da-thức của địa-ngục và người ấy lại phải chịu nghiệp địa-ngục. Theo nghĩa A-lại-da-thức duyên-khỉ thì tùy chỗ luân-tập, chủng-tử về nghiệp nào có thể-lực hơn thì đệ-bát-thức biến thành đệ-bát-thức của nghiệp ấy ; rồi đệ-bát-thức, *thức của nghiệp*, do các chủng-tử biến ra thân ra cảnh của nghiệp ấy ; nhưn đó mà có kiết-sang tương tục.

Chúng ta đã rõ nghĩa A-lại-da-thức duyên-khỉ rồi, thì chúng ta bằng ngay cần phải luân-tập đệ-bát-thức y như chánh-pháp đề cho các chủng-tử thanh-tịnh nơi đệ-bát-thức chúng ta đủ thể-lực mà hiện-hạnh thì mới có thể phá cái ngã-chấp, pháp-chấp nơi đệ-thất-thức (làm cho không đủ nhưn duyên mà hiện-hạnh thì gọi là phá) và chứng được duyên-thức-tánh.

4) Pháp - giới duyên - khởi

Pháp-giới duyên-khỉ. — Nghĩa là toàn-thể pháp-giới đối đãi với nhau mà phát-khởi. Cả pháp-giới làm duyên phát-khởi một pháp, một pháp làm duyên phát-khởi pháp-giới, duyên qua duyên lại trùng trùng vô tận, dầu sự gì vật gì cũng đều do toàn-thể pháp-giới làm duyên mà phát-khởi ra cả. Theo nghĩa này thì một tâm-niệm đã do toàn-thể pháp-giới duyên-khỉ mà phát-sanh và toàn-thể pháp-giới cũng đều do cái duyên của tâm-niệm ấy mà phát-khởi, cho đến sự gì vật gì cũng vậy, từ vật hết sức lớn, cho đến vật hết sức nhỏ, từ cái tâm-niệm toàn-thiện cho đến cái tâm-niệm đại-ác cũng đồng là pháp-giới duyên-khỉ cũng đồng duyên-khỉ cả pháp-giới, nghĩa là cũng đồng một pháp-giới-tánh. Pháp nào pháp nào đã đồng một tánh thì không có tự có tha, không có nhưn có ngã, không có thời-gian, không

có không-gian, không có sống có chết, không có nhiễm có tịnh. Chính nơi một pháp mà xét thì toàn-thể pháp-giới làm duyên phát-khởi ra pháp-ấy chứ pháp-ấy vốn không tự-tánh, mà chính cái pháp không tự-tánh đó lại làm duyên mà phát-khởi ra toàn-thể pháp-giới. Trong đó một pháp tức là hết thảy các pháp, hết thảy các pháp tức là một pháp, thiết không có chỗ nói phò, không có chỗ nghĩ ngợi.

Song một tâm-niệm đã cùng khắp pháp-giới, thì sự sự là tâm, vật vật là tâm, thân là tâm, cảnh là tâm, cho đến do tâm-niệm mà có nhơn ngã, do tâm-niệm mà có sống chết, nhơn như vậy thì quả như vậy, phát ra như vậy thì trở về như vậy, không có trước, không có sau, không có năng, không có sở. Do tâm-niệm duyên-khởi pháp-giới, pháp-giới duyên-khởi tâm-niệm mà in tưởng có thức, in tưởng có chủng-tử, in tưởng có mê, in tưởng có ngộ. Lại tùy chỗ tâm-niệm duyên-khởi mà hết, duyên-khởi cái sống thân này lại duyên-khởi cái sống thân khác, hết duyên-khởi ra cội này lại duyên-khởi ra cội khác, đối đãi với nhau in tưởng có đi lên đi xuống, đi lại đi qua, nhưng thiết ra đầu đầu cũng là tâm, đầu đầu cũng là pháp-giới-tánh, cùng ba đời, khắp mười phương vẫn một pháp-giới-tánh, không có chi đáng gọi là sanh, không có chi đáng gọi là diệt cho đến không có chi đáng gọi là thân, không có chi đáng gọi là cảnh.

Tam-thế chư Phật chứng rõ Pháp-giới-tánh nên không thấy có mình, không thấy có vũ-trụ, mình là vũ trụ, vũ-trụ là mình, một chúng sanh sống là mình sống, một chúng sanh biết là mình biết, cái nhơn trong một niệm đã cùng khắp pháp-giới, cái quả trong một niệm cũng cùng khắp pháp-giới, nhơn với quả đồng một thời, nhơn với quả đều viên-mãn, thiết không gì đáng gọi là kiết-sanh, cho đến không có gì đáng gọi là trong-tục. Dầu cho chúng-sanh không có pháp-giới-tánh, không nhận chỗ trùng-trùng duyên-khởi, phát ra cái tâm-niệm sai lầm nó duyên ra có nhơn có ngã, có sống có chết, mà tâm-niệm ấy vẫn cùng khắp pháp-giới, pháp-giới vẫn duyên-khởi tâm-niệm ấy, không một pháp gì ra ngoài pháp-giới-tánh. Nhận được chỗ

này rồi thì ý-thức là một pháp, mặt-na là một pháp, A-lại-da-thức là một pháp, thế-giới là một pháp, cho đến bột bụi cũng là một pháp, diệu-hạnh của các vị Đại-Bồ-Tát là một pháp, mê-chấp của chúng sanh cũng là một pháp, pháp nào pháp nào cũng đều là trùng-trùng duyên-khởi, cũng đồng là một pháp-giới-tánh như-như bình-dẳng. Như vậy là pháp-thân, như vậy là Phật-tánh, trong ấy thiết không có gì là sanh tử, thiết không có gì là khứ lai, cho đến thiết không có gì là ngộ, là mê, là vô-minh, là Phật-tánh.

Vậy cái lối kiết-sanh tương-tục của chúng sanh đồng là cảnh-giới bất-khả-tư-ngữ như cảnh-giới của chư Phật, thiết không có gì đáng gọi là chúng sanh cả.

KẾT LUẬN

Trong thời kỳ Phật ra đời, tùy theo căn-cơ thuyết-pháp, về phương-diện kiết-sanh tương-tục, Phật vẫn dạy nhiều cách, nhưng đại-ý không ngoài bốn môn duyên-khởi đó. Trong bốn môn ấy, chúng ta nên tùy theo căn-cơ mà lãnh thọ, không nên vì danh-từ sai khác mà sanh lòng phân biệt, nhưng một đều cốt yếu là chúng ta cần phải ý như chánh-pháp mà suy xét đề cho khỏi lạc vào thường-kiến và đoạn-kiến của các ngoại đạo

VIÊN-ÂM



ĐẠI Ý KINH

THỦ - LĂNG - NGHIỆM

PHẬT TÔM CHỈ CÁC PHÁP TƯỚNG ĐỀU LÀ GIẢ-DỐI,
THIỆT RA CHỈ LÀ NHƯ-LAI-TẠNG-TÁNH

(Tiếp theo)

2.) Phật chỉ bản-tánh của lục-nhập là Như-Lai-Tạng-Tánh.

Về đoạn này Phật riêng chỉ bản-tánh của lục-nhập tức là của sáu cái căn thân góp trần cảnh, nào nhãn căn, nhĩ căn, tỉ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn là giả dối chẳng phải nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tự-nhiên, thiệt ra chỉ là Như-Lai-Tạng-Tánh.

Như nhãn-nhập vẫn in tướng có lãnh nạp các sắc-tướng, nhưng thiệt chỉ vì thức-tâm cố-chấp biến ra có năng-kiến, sở-kiến mà thôi. Năng-kiến và sở-kiến không ngoài thức-tâm nên không thể rời nhau ; vì vậy ngoài hai cái vọng-trần sáng và tối thì cái năng-kiến không còn biết lấy gì làm tự-thể. Và chẳng sáng và tối không thể đồng có một lần, khi sáng thì không tối, khi tối thì không sáng ; vậy nếu cái năng-kiến, do cái sáng mà có, thì đến khi tối không có sáng nữa, lẽ ra cũng không có cái năng-kiến, làm sao lại còn thấy được cái tối. Như nói cái năng-kiến tự mình sanh ra, không cần đến cái sáng cái tối thì thử hỏi ngoài cái sáng cái tối ra lấy cái gì mà làm cái năng-kiến, không lẽ lại có cái năng-kiến đã không thấy sáng cũng không thấy tối ? Còn nếu như từ nơi không-không mà sanh ra thì cái không-không kia tự thấy, nào dính gì với mình mà gọi là căn, là nhập.

Vậy thì biết cái nhãn-nhập là hư-vọng, vốn không thiệt có và bản-tánh của nó chỉ là Như-Lai-Tạng-Tánh.

Lại chúng ta thường nói : lỗ tai nghe tiếng, và chúng ta vọng chấp có cái tánh nghe lãnh nạp các môn động-tĩnh, nhưng xét ra cho kỹ, động với tĩnh trái hẳn với nhau, không thể nói động sanh ra tánh nghe, hay tĩnh sanh ra tánh

nghe được. Tánh nghe lại không thể tự mình sanh ra mình, lại không thể tự nhiên mà sanh ra, vậy thì biết năng-văn và sở-văn đều là những tướng hư vọng do thức tâm biến hiện, chưa hề sanh, chưa hề thiệt có ; cũng như khi chúng ta bịt chặt lỗ tai một chập nghe tiếng vù vù trong tai, những tiếng đó nơi ngoại cảnh rõ ràng là không có mà chúng ta vẫn cứ nghe. Năng-văn và sở-văn đã do cái vọng-chấp của thức tâm mà biến hiện thì thiệt ra chưa hề có gì đáng gọi là căn, là nhập, và bản-tánh của nhĩ-nhập chỉ là tánh diệu-chơn-như của Như-Lai-Tạng.

Lại như khi nhét chặt lỗ mũi, nhét lâu thời nghe trong mũi hơi lạnh nhờ những cái cảm xúc như cái biết lạnh đó mà tỷ-căn biết được khi ngạt khi thông, và khi thông lại biết các mùi thơm thúi, nhưng xét ra cho kỹ thì cái tử-nhập như vậy không thể do ngoại trần sanh ra, không thể tự mình sanh ra, cũng không thể tự nhiên giữa hư không mà sanh ra, đã không có cái gì có thể sanh ra thì tử-nhập là vô sanh ; đã là vô sanh thì bản tánh của tử-nhập thiệt ra chỉ là tánh diệu-chơn-như của Như-Lai-Tạng.

Lại như chúng ta liếm mãi mui mép của mình, mui vẫn không có vị, nhưng nếu liếm lâu, thiệt-căn đã mỏi thì lại hòa sanh ra chút vị ngọt ; các người có bệnh, sau khi liếm mép lâu rồi, lại nghe có chút vị đắng. Thế thì biết cái thiệt-nhập tuy in tưởng lãnh nạp được các vị, nhưng thiệt ra thì cái tánh năng-tri-vị và các vị-sở-tri đều do thức-tâm biến hiện và bản-tánh của cái thiệt-nhập vốn là Như-Lai-Tạng tánh.

Lại như đồng một cái bàn, tay lạnh sờ vào thì nghe nóng, tay nóng sờ vào thì nghe lạnh, cảm xúc vẫn không như định. Hoặc lấy một tay lạnh chạm vào tay nóng thì bề bên lạnh nhiều, tay nóng cũng hóa ra lạnh, bên nóng nhiều, tay lạnh cũng hóa ra nóng đến khi hai bên cân nhau thì không còn gì là lạnh nóng nữa. Như có những vọng trần như vậy nên gọi cái tánh lãnh nạp các trần-tượng đó là thần nhập, ngoài các vọng-trần ly và hiệp ly và thuận, thần-nhập không lấy gì làm tự-tánh. Thần-nhập lại không thể do các xúc-trần sai

khác sanh ra, không thể tự sanh, không thể tự nhiên sanh, nên bản-tánh của thân-nhập là vô sanh; cái tánh vô sanh đó là tánh diệu-chơn-như của Như-Lai-Tạng.

Lại như đối với những sự đã học tập đã hay biết, khi muốn nhớ lại, ý-căn đem ra được thì gọi là nhớ, không đem ra được thì gọi là quên; do sự lãnh nạp được các nội-trần như vậy nên gọi là ý-nhập. Xét ra cho kỹ thì ý-căn không thể vì nhớ mà sanh, không thể vì quên mà sanh, không thể vì thức, ngủ, vì sanh, diệt mà sanh, lại không thể tự sanh, không thể tự-nhiên sanh. Thế thì biết ý-căn thiết là vô sanh và bản-tánh của ý-nhập vốn là tánh diệu-chơn-như của Như-Lai-Tạng.

(Còn nữa)



首楞嚴經

續

如此何相見一空觀誰俱本
食前聲如
本觀云色者發質者無空妄
中聲是也
處且意生相顯空見都色虛
圜音為耳
二汝於眼色則明眼則與處
陀鼓等於
十難池見生銷誰生亡見二
祇鐘此來
何阿泉眼根銷無塵亡知見性
此鐘何處聲
云性諸生眼應既色銷當與然聽撞云聲此
難如及色復性相復即故色自更集此往復
阿真林是若色色若見是即非汝眾於耳若
次妙樹為難色無是色色所緣難鼓續邊難
復藏陀等阿非都如非空處因阿擊相耳阿
來祇此空切亦空明無非辨後來阿

則目一同如則擊何若聽二此四此為
林處中声也城往聞響知声性核城何鼻
陀耳其鐘声羅已俱音當與然旃筏云汝
祇難况聞彼室耳不種故聽自中羅意於
在阿何一往在其應種是郎非爐室於生
城來聞門耳中声出羊聞所緣此銖氣水
筏必俱沙汝林鼓齊牛無處因𩇛一聞核
羅声不十復陀聞声馬復無非又於辰旃
室此應五若祇汝鐘象亦俱本汝燃同生
食我葉百處住我處中往声妄難復內復空
乞有迦二食歸有之其來音虛阿若里為於
我無連千來我無鼓况無與處香十香生
鼻何

若何則合四香二未完
義在水聞遠知香性
非常於得遙當與然
聞應生鼻反故鼻自
說香若若未是即非
香恒水烟空聞所緣
出常枯成騰已處因
中性此蕪烟何無非
鼻空蕪因其云俱本
入空中質氣內聞妄
鼻於爐香烟里與虛
於生藉此蒙十鼻處





Kinh điển âm

THỨ ĐẰNG - NGHIỆM KINH (SURAMGAMA)

(TỤC)

Phục thứ, A-Nan, vân hà thập nhị xứ bản Như-Lai-Tạng diệu-chơn-như-tánh. A-Nan, như thử quan thử Kỳ-Đà thọ lâm cấp chư tuyên trì, ư ý vân hà? Thử đẳng vi thị sắc sanh nhãn-kiến, nhãn-sanh sắc-tướng.

A-Nan, nhược phục nhãn-căn sanh sắc-tướng giả, kiến không phi sắc, sắc tánh ưng tiêu; tiêu tác hiển phát nhứt thể đồ vô, sắc tướng ký vô, thủy minh không chất; không diệt như thị. Nhược phục sắc-trần sanh nhãn-kiến giả, quan không phi sắc, kiến tức tiêu vong, vong tác đồ vô, thủy minh không sắc. Thị cổ đương tri kiến dữ sắc không eu vô xứ-sở, tức sắc dữ kiến nhị xứ hư-vọng, bản phi nhơn duyên phi tự nhiên tánh.

A-Nan, như cánh thính thử Kỳ-Đà viên trung, thực biện kiết cổ, chúng tập chẳng chung, chung cổ âm thanh tiền hậu tương tục, ư thử vân hà? Thử đẳng vi thị thanh lai nhĩ biên, nhĩ vắng thanh xứ.

A-Nan, nhược phục thử thanh lai ư nhĩ biên, như ngã khát thực Thất-La-Phiệt thành, tại Kỳ-Đà lâm tác vô hữu ngã; thử thanh tất lai

A-Nan nhĩ xứ, Mục-Liên Ca-Điếp ưng bắt cu vãn hà hưởng kỳ trung nhứt thiên nhị bách ngũ-thập Sa-Môn nhứt vãn chung thanh, đồng lai thực xứ. Nhược phục nhữ nhĩ vãng bi thanh biên, như ngã qui trú Kỳ-Đà lâm trung, tại Thất-La thành tắc vô hữu ngã; nhữ vãn cổ thanh, kỳ nhĩ dĩ vãng kích cổ chi xứ, chung thanh tề xuất ưng bắt cu vãn, hà hưởng kỳ trung tượng mã nguư dương chủng chủng âm hưởng? Nhược vô lai vãng, diệc phục vô vãn. Thị cổ dương tri thính dư âm thanh cu vô xứ sở, tức thính dư thanh nhị xứ hư-vọng, bản phi nhơn duyên phi tự-nhiên tánh.

A-Nan, nhữ hựu hữu thử ư trung chiên-đàn, thử hương nhược phục nhiên ư nhứt thù, Thất-La-Phiệt thành tứ thập lý nội đồng thời vãn khí, ư ý vãn hà? Thử hương vi phục sanh chiên-đàn một, sanh ư nhữ tỷ, vi sanh ư không.

A-Nan, nhược phục thử hương sanh ư nhữ tỷ, xưng tỷ sở sanh dương tùng tỷ xuất, tỷ phi chiên-đàn, vãn hà tỷ trung hữu chiên-đàn khí; xưng nhữ vãn hương, dương ư tỷ nhập, tỷ trung xuất hương, thuyết vãn phi nghĩa. Nhược sanh ư không, không tánh thường hằng, hương ưng thường tại, hà tạ lu' trung nhiệt thử khô một! nhược sanh ư một, tắc thử hương chất, nhơn nhiệt thành yên, nhược tỷ đắc vãn hợp mong yên khí, kỳ yên đẳng không vi cập điều viển, tứ thập lý nội vãn hà dĩ vãn? Thị cổ dương tri hương tỷ dư vãn, cu vô xứ sở, tức hữu dư hương nhị xứ hư-vọng, bản phi nhơn duyên phi tự-nhiên tánh.

(Vị-Hoàn)

KINH DIỄN NGHĨA

THỦ LÃNG-NGHIÊM KINH (Suramgama)

(Tiếp theo)

... Lại nữa, A-Nan, vì sao bốn tánh của thập-nhị-xứ (1) là tánh diệu-chơn-như của Như-Lai-Tạng.

A-Nan, ông hãy xem rừng Kỳ-Đà và các suối ao, ý ông nghĩ sao? Như vậy là sắc-trần sanh ra cái thấy nơi còn mắt, hay là cái nhãn-căn sanh ra các sắc-tướng?

A-Nan, nếu như nhãn-căn sanh các sắc-tướng thì khi thấy hư-không không phải sắc-tướng, cái tánh sanh sắc-tướng phải tiêu diệt, tiêu diệt thì rõ ràng hết thấy các sắc-tướng đều không; sắc-tướng đã không có thì lấy gì đối đãi mà rõ là hư-không được nữa! đối với hư-không, lý-nghĩa cũng như vậy. Lại nếu sắc-trần sanh ra cái thấy thì khi xem hư-không không phải là sắc, cái thấy phải tiêu mất; cái thấy đã tiêu mất thì thấy thấy đều không, lấy chi mà rõ ràng là không hay là sắc. Vậy ông nên biết cái thấy với sắc-không đều không có xứ sở, tức nơi sắc-trần và cái thấy, hai cái sanh-xử đều hư-vọng, vốn chẳng tánh-nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự nhiên.

A-Nan, ông lại nghe trong vườn Kỳ-Đà này khi đổ án dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm rồi thì đánh chuông, tiếng chuông tiếng trống trước sau nối nhau, ý ông nghĩ sao? Như vậy lại là cái tiếng đi đến bên nhĩ-căn, hay là nhĩ-căn đi đến chỗ cái tiếng.

A-Nan, như nói cái tiếng ấy đi đến bên nhĩ-căn, thì cũng như tôi đi khát-thức trong thành Thất-La-Phiệt, ở trong Kỳ-Đà chắc không có tôi nữa, cái tiếng ấy đã chắc đi đến chỗ nhĩ-căn của A-Nan, thì lẽ ra ông Mục-Liên, ông Ca-Điếp không thể đồng nghe một lần, huống chi trong này đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-Môn (2) mà một phen nghe tiếng chuông cũng đồng đến chỗ ăn cơm được cả.

(1) THẬP-NHỊ-XỨ : xứ tức là sanh xứ, là những chỗ phát sanh ra các căn trần, căn có sáu căn, trần có sáu trần, cộng lại là mười hai môn, nên có thập-nhị-xứ.

(2) SA-MÔN : ông thầy tu.

Lại nếu nhĩ-căn của ông đi đến bên cái tiếng thì cũng như tôi đã trở về trong rừng Kỳ-Đà rồi, ở nơi thành Thất-La-Phiệt, không có tôi nữa, ông nghe tiếng trống, nhĩ-căn của ông đã đi đến chỗ đánh trống thì khi tiếng chuông phát ra, lẽ ông không thể đồng nghe một lần, huống chi nào tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng trâu, tiếng dê, các thứ tiếng trong rừng này ông cũng đều nghe được cả. Còn như nếu không đi qua đi lại thì lại không thể nghe. Vậy ông nên biết rằng cái nghe và cái tiếng đều không có xứ sở, tức nơi cái nghe cùng cái tiếng, hai cái sanh xứ, đều hư-vọng, vốn chẳng phải tánh nhưn-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự nhiên.

A-nan, ông lại nghĩ hương Chiên-Đàn (3) trong hư này; cái hương ấy nếu đốt đều một thứ gần nửa đồng cân thì cả thành Thất-La-Phiệt trong vùng 40 dặm đồng một thời nghe mùi thơm cả. Ý ông nghĩ sao? Cái mùi ấy lại là sanh nơi cây chiên-đàn sanh nơi tỳ-căn của ông hay sanh nơi hư-không.

A-Nan, nếu như cái mùi thơm ấy sanh nơi tỳ-căn của ông đã gọi rằng tỳ-căn sanh mùi thì mùi phải từ từ tỳ-căn phát ra, song tỳ-căn chẳng phải là chiên-đàn, vì sao trong tỳ-căn lại có mùi chiên-đàn? và chẳng đã gọi rằng ông nghe mùi thơm, thì mùi thơm phải từ ở ngoài vào tỳ-căn của ông, chớ như trong tỳ-căn bay ra mùi thơm mà nói là nghe mùi thơm thì không đúng nghĩa lý.

Nếu mùi thơm sanh nơi hư-không, tánh hư-không thường còn thì mùi thơm ấy cũng phải thường có, vì sao lại cần phải đốt cây chiên-đàn khô trong hư mới có.

Nếu mùi ấy sanh ra từ nơi cây chiên-đàn, cái chất cây thơm kia nhưn đốt thành ra khói thì nhĩ-căn chắc phải khói xông tới nơi mới nghe mùi được, sao cái khói kia bay lên hư-không chưa đụng bao xa mà trong bốn mươi dặm đã nghe mùi thơm cả. Vậy ông nên biết rằng mùi và tỳ-căn đều không có xứ sở, tức cái tánh nghĩ và các mùi, hai cái sanh-xứ đều hư-vọng vốn chẳng phải tánh nhưn-duyên-sanh chẳng tánh tự nhiên. (còn nữa)

VIÊN - ÂM

(3) CHIÊN-ĐÀN : là một thứ cây rất thơm bên Ấn-Độ dùng để làm các thứ hương đốt như trầm ở xứ ta.



LUẬN

NHƠN - MINH NHẬP CHÁNH - LÝ LUẬN

(Tiếp theo)

此中宗等多言名爲能立

Thử trung tôn đẳng đa ngôn danh vi năng-lập.

由宗因喻多言開示諸有問

Do tôn nhơn du đa ngôn khai thị chư hữu vấn.

者未了義故

Giã vị liễu nghĩa cố

1) *Thử trung* — Thử trung nghĩa là trong ấy, tức là trong hai mục-dịch « tự-ngộ ngộ-tha » và tám phần « chơn-tợ năng-lập, chơn-tợ năng-phá, chơn-tợ hiện-lượng, chơn-tợ tỉ-lượng ».

2) *Tôn đẳng đa ngôn*. — Tôn-đẳng đa-ngôn nghĩa là nhiều câu nói về Tôn thấy, tức là về cả Tôn, cả Nhơn, cả Dự. Tôn cũng nhiều nghĩa, Nhơn cũng nhiều nghĩa, Dự cũng nhiều nghĩa, nên gọi là đa ngôn.

3) *Danh vi năng-lập*. — Nghĩa là gọi là cái năng-lập. Đời xưa thường cho rằng cái tôn là năng-lập, nhưng thiệt ra thì cả Tôn, cả Nhơn, cả Dự mới có thể gọi là năng-lập. vì có Tôn mà không Nhơn thì chỉ là lời nói suông, có Nhơn mà không Tôn thì không có mục-dịch; có Tôn, có Nhơn mà không Dự thì không có bằng cứ, nên cần phải đủ Tôn, Nhơn, Dự mới có thể gọi là năng-lập.

4) *Do tôn Nhơn dụ đa ngôn*. — Nghĩa là nhờ nhiều nghĩa nơi Tôn, Nhơn, Dụ. *Tôn* tức là cái tôn chỉ của mình, là cái thuyết mà mình đề xướng ra. Tôn gồm có hai phần, phần trước thì gọi là *tiền-trần*, phần sau thì gọi là *hậu-trần*. *Tiền-trần* là các sự vật mà kẻ lập thuyết nêu ra để chứng chỉ rõ tánh cách. *Tiền-trần* cũng có tên là *hữu-pháp*, là *sở-biết*. *Hậu-trần* cốt chỉ cái tánh cách của *tiền-trần*, cũng gọi là *pháp*, là năng-biết. Đối với *tiền-trần* thì nói là *hậu-trần*, đối với *hữu-pháp* thì nói là *pháp*, đối với *sở-biết* thì nói là *năng-biết*; ba tên *hậu-trần*, *pháp*, *năng-biết* đều chỉ phần thứ hai của cái *Tôn* cả. Lại *tiền-trần* và *hậu-trần* đều gọi là *tôn-y*, cả *tiền-trần* *hậu-trần* hiệp lại thì gọi là *tôn-thể*. Ví dụ như lập cái *Tôn*: « *Cái tiếng là vô-thường* » thì *cái tiếng* là *tiền-trần*, là *hữu-pháp*, là *sở-biết*, là *vô-thường*, là *hậu-trần* là *pháp*, là *năng-biết*. Lại *tiếng* và *vô-thường* đều là *tôn-y-dụ* cả câu. « *Cái tiếng là vô-thường* » mới gọi là *tôn-thể* vì chỗ cãi nhau chẳng phải ở nơi các *tôn-y* như *cái tiếng*, như *vô-thường* mà chính ở nơi toàn thể của cái *tôn* « *Cái tiếng là vô-thường* ».

Nhơn là cái *sở-dĩ*, là cái *nhơn* vì sao, cái *tại* vì sao, mà lập cái *Tôn* như vậy. *Nhơn* là một bộ-phận cốt yếu trong khi lập lượng (lập-thuyết), nếu cái *nhơn* không đúng thì dầu cái *Tôn* có chánh đáng đi nữa cũng không thể làm cho người khác tin được. Người lập thuyết ra thì gọi là *bên Lập*. Người chưa công nhận thuyết ấy là *bên Địch* — Đối với *bên lập* cái *Nhơn* có thể theo thứ tự mà chia ra sáu phần:

a) *Trí sanh nhơn*. — Tức là cái *trí* của *bên Lập*, xét đoán, lựa chọn đạo-lý chánh đáng, đáng lập-thuyết ra chỉ về cho kẻ khác.

b) *Nghĩa sanh nhơn*. — Muốn chỉ về cho kẻ khác thì *bên Lập* phải xét tìm nghĩa lý cho rõ ràng, không trái với căn-cơ của *bên Địch* để cho *bên Địch* có thể công nhận.

c) *Ngôn sanh nhơn*. — Xét tìm nghĩa lý rõ ràng rồi, *bên Lập* mới phổ bày ra nơi lời nói, nơi văn tự để

cho bên Dịch hiểu lý nghĩa của mình. Phần này về phần bên Lập đối-dãi với bên Dịch.

d) *Ngôn liễu nhơn*. — Bên Dịch nghe lời nói, xem văn tự của bên Lập, hiểu biết rõ ràng. Phần này về bên Dịch đối với bên Lập.

e) *Nghĩa liễu nhơn*. — Là bên Dịch, sau khi nghe rồi, xem rồi, suy xét nghĩa lý cho biết là đúng hay không đúng.

f) *Tri liễu nhơn*. — Suy xét xong rồi, bên Dịch mới lấy tri phán đoán lựa chọn mà nhận rõ cái lý thuyết của bên Lập là chơn-chánh hay không chơn-chánh. Nếu bên Lập lý nghĩa đúng đắn thì bên Dịch khi ấy mới công nhận và tin theo đạo-lý của bên Lập.

Dụ là đem những hiện-trạng do bên Dịch đã công nhận mà làm bằng cớ cho lý-thuyết của mình. Dụ có hai cách :

Đồng pháp dụ. — Tức là lấy các pháp có tánh cách (cả nhơn và cả năng-biệt) như cái hữu-pháp của Tôn mà làm ví dụ.

a) *Dị pháp dụ*. — Là trái lại, lấy các pháp không có các tánh-cách ấy mà chứng rõ ràng nơi các pháp không có tánh năng-biệt của Tôn quyết định không có cái tánh của Nhơn được.

Phàm lập một lượng, lập một lý-thuyết, cần phải đủ Tôn Nhơn, Dụ, nhiều nghĩa lý như vậy, mới chắc được kết quả vững vàng.

4) *Khai thị chư hữu vấn giả vị liễu nghĩa cố*. — *Khai thị* là chỉ bày, *chư hữu vấn giả* là những người đến hỏi đạo, *vị liễu nghĩa* là cái nghĩa người mà người kia chưa rõ, « Khai thị chư hữu vấn giả vị liễu nghĩa cố » nghĩa là nhờ có lập ra Tôn, Nhơn, Dụ đủ nghĩa đủ lý mới có thể chỉ bày cho những người đến hỏi đạo các cái nghĩa mà chính họ chưa hiểu thấu vậy. Câu này chỉ rõ mục-dịch của cái năng-lập.

此中宗者謂極成有法極成

Thứ trung tôn giả vị cực thành hữu pháp cực thành

能別差性故隨自樂為所成立

Năng biệt, sai biệt tánh cố, tùy tự lạc vị sở thành lập

性是名爲宗如有成立声是無常

Tánh, thị danh vị tôn, như hữu thành lập: thanh thị vô thường

Giải nghĩa. — 1) *Thứ-trung-tôn-giả*. — Thứ trung tôn giả nghĩa là trong ba bộ phận của cái năng-lập là Tôn, Nhơn và Dự, thì cái Tôn ấy là thế nào? Từ đây sắp sau đều chỉ về phần chơn-năng-lập mà câu sau đây là chỉ riêng tánh-cách của cái Tôn trong chơn-năng-lập.

2) *Vị cực-thành hữu-pháp*. — Vị nghĩa là gọi rằng, là tiếng nói đưa, như nói: cái tôn là này. Cực-thành hữu-pháp là các cái hữu-pháp cực-thành.

Hữu-pháp tức là những sự vật vật có tánh-cách này, hoặc tánh-cách khác; cực-thành là một cực thành-tựu, nghĩa là cả bên lập và bên dịch đều công-nhận có cái hữu-pháp như vậy, công-nhận cả cái tên và cả nghĩa.

3) *Cực-thành năng-biệt*. — Năng-biệt là những tánh-cách riêng khác của các hữu-pháp, là các danh từ để chỉ riêng các tánh-cách ấy. Các cái năng-biệt đều cũng phải cực-thành về tiếng nói và về ý nghĩa.

Vì sao cả hữu-pháp, cả năng-biệt đều phải cực-thành?

Vì nếu một bên công-nhận, một bên không công-nhận, một bên hiểu cách này một bên hiểu cách khác, thì không thể đem ra mà luận lý với nhau được. Vậy trong khi luận lý, cần phải dùng những danh-từ mà hai bên đều hiểu nghĩa như nhau. Hoặc ít nữa bên Lập cũng phải theo chỗ hiểu bên Dịch mà luận thì bên Dịch mới có thể hiểu được.

4) *Sai-biệt tánh-cố*. — Nghĩa là có tánh sai khác vậy. Đối với những cực-thành hữu-pháp, bên Dịch cho rằng có cái

tánh cực-thành năng-biệt như kia, bên Lập lại cho rằng có cái cực-thành năng-biệt khác hẳn; do hai bên không đồng ý, như đối một cái tiếng, mà một bên nói là thường, một bên nói là vô-thường, nên mới sanh ra có sự cãi lẽ.

5. *Tùy tự lập vi sở-thành lập-tánh.* — Nghĩa là tùy ý muốn của mình mà chỉ ra cái tánh-sở-thành-lập của mình, tức là tùy theo ý muốn, bên Lập xưng lên rằng « cái cực-thành hữu-pháp, ấy quyết định phải có cái tánh cực-thành năng-biệt ». Nói tóm lại là vì đối với một cái cực-thành hữu-pháp, bên lập, bên địch mỗi người đều nghĩ rằng có những tánh-cách cực-hành năng-biệt khác nhau, nên bên lập mới phô-bày cái tánh-cách theo ý mình làm cái Tôn, luận-lý rạch-rõ, ví dụ xác đáng, để bên địch biết chỗ lỗi lầm mà giác-ngộ.

6) *Thị danh vi tôn.* — Nghĩa là như vậy thì gọi rằng Tôn. Một cái Tôn gồm đủ các trường-hợp như trên mới gọi là cái Tôn của chơn-năng-lập.

7) *Như hữu thành-lập, thanh thị vô thường.* — Nghĩa là như xưa đã có thành lập một cái Tôn là « Thanh thị vô thường ». (Cái tiếng là vô-thường). Cái Tôn này là cái Tôn của đệ-tử Phật lập ra để chỉ sự lỗi lầm của Thanh-luận-sư, một ngoại-đạo bên Ấn-Độ. Cả Thanh-luận-sư và đệ-tử Phật đồng hiểu cái *tiếng* là cái bị nghe, là các pháp do lỗ tai nghe; cả hai bên cũng đều hiểu rằng vô-thường là cái tánh không thường còn, sau chắc phải diệt; hai bên cũng đều hiểu như nhau, nên cái *tiếng* là cực-thành hữu-pháp, *vô-thường* là cực-thành năng-biệt. Ngặt vì Thanh-luận-sư thì cho rằng cái tiếng là thường-trụ, đệ-tử Phật thì nhận rằng cái tiếng là vô-thường, chỗ đó bên có sai khác, nên đệ-tử Phật mới lập ra cái tôn « Cái tiếng là vô-thường » để phá lý-thuyết của thanh-luận.

LỄ VIÃ PHẬT NĂM NAY

Ở HUẾ

Theo lệ thường như mọi năm, Hội An-Nam Phật-Học đều làm lễ viã, năm nay vì nhà nước vừa cho miếng đất gần Phú-Vân-Lâu, nên Hội làm một cái lâu bằng tam, làm lễ tại đó.

Ngày mồng bảy lối nam giờ đã thấy người tã tấp nập trước cửa chùa Diệu-Đế, số đèn cùng năm nay gần tám trăm cái và tám trăm người cầm đèn, còn nam nữ hội-viên, các thầy Chư-sơn, học-sanh các trường và đồng nam, đồng nữ có đến năm trăm người nữa.

Đáng khen nhất là năm nay các thầy Chư-sơn đi rất đông và rất trang-nghiêm, còn các người cầm đèn và hội-viên đều rất trật-tự.

Lễ rước từ chùa Diệu-Đế lên các con đường Đông-Ba, Gia-Long v.v., rồi lên đến Phú-Vân-Lâu, làm lễ an-vị khi tám giờ tối.

Năm nay được chỗ đất rất rộng cho nên người coi lỵ đến hơn năm ngàn người mà không phải ngột, duy chỉ tại trong rạp vì đông người đứng giảng hầu, nên không có chỗ lỵ, vì rạp không được rộng.

Qua ngày mồng tám, buổi sáng nam nữ hội-viên đến lỵ; lúc mười giờ giảng kinh pháp-hoa, một thầy Đại-Học lên giảng, đáng khen trong khi giảng kinh ai nấy đều lặng yên và nam nữ hội-viên cho đến thỉnh-giả cũng đều ngồi giữa chốn dưới đất cả. Năm nay số đi không độn chỗ là vì chỉ làm riêng lễ viã cho hội-viên lỵ mà thôi.

Buổi chiều ba giờ ông Cư-sĩ Lê-mai-Dinh lên thuyết pháp về vấn đề: “Phật-pháp bổ-cứu cho khoa-học và Phật-pháp thích hợp với người Annam”. Khi giảng xong bị trận mưa dữ dội, rạp vì làm nhỏ nên gần một ngàn người đều vào núp trong

rap, tuy vậy cũng một dịp may, là vì trong cơn mưa, một thầy xương niệm Phật, sau toàn thể đều niệm vang, niệm ngót hai tiếng đồng hồ mới thôi.

Qua năm giờ ông Lê-Đình-Thâm thuyết-pháp « Thế nào là Phật-pháp » qua bảy giờ làm lễ cúng-ngheñh trở về chùa đoàn đên và người đi hầu cũng đông như khi lên vậy.

Tourane

Lễ vía tại chi-hội Tourane có phần mặt-thiết trang-nghiêm, người đến dự lễ ai ai đều phải cảm động.

Faifoo

Tại Faifoo Chư-sơn đều hiệp với Hội làm lễ vía, có chụp ảnh kỷ-niệm, xem trong ảnh thì tuy mới thành lập mà Chi-hội đã làm lễ có vẻ nào nhiệt.

Quinhơn

Đặc sắc hơn hết và ai ai cũng đều khen về vẻ nghiêm-nghị chỉnh tề, có Cụ Sứ, Cụ Thượng đọc tờ chúc khuyến khích Hội làm lễ hai ngày đều long trọng, có cả thầy Đại-Học, Cư-Sĩ và các Cô-Vãi lên thuyết pháp.

Đồnghới

Chi-Hội Đồng-Hới làm lễ được công chúng rất hoan-ngheñh. Đối với các tỉnh tuy còn đơn sơ mà lòng thành kính vẫn không kém, làm cho người trong tỉnh ai ai cũng phải nhớ đến ngày vía.

Tóm lại, năm nay nơi nơi đều làm lễ, thật đã nhắc lại cho ta ngày Phật ra đời cứu thế độ sanh.



ẢNH HƯỞNG PHẬT-GIAO

TRONG GIA-ĐÌNH

**Bài giảng của Ni-Cô [An-Nguyệt nói hôm] lễ
Khánh-đản tại Qui-Nhơn**

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ-PHẬT.

Nhơn lễ Khánh-đản đức bổn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật, tôi vâng lệnh Hội-chánh ở Huế vào hầu chuyện cùng các ngài và chị em trong tỉnh này, thật là một dịp may cho tôi, nhưng chỗ học của tôi nếu còn kém thiếu xin các bậc Đại-đức thuyền-gia cùng các ngài và chị em lượng thứ cho.

Thưa chị em, hôm nay tôi xin nói vấn-đề «Ảnh hưởng Phật-giáo trong gia-đình» là một vấn-đề rất quang-hệ cho phái phụ-nữ mà chị em ai ai cũng cần biết rõ.

Trước hết tôi xin nhắc qua xứ ta trải khắp ba kỳ Trung, Nam, Bắc, dân nước ta hơn mấy ngàn năm đều theo đạo Phật, hầu khắp các làng, làng nào cũng có chùa thờ Phật, nhà nào cũng biết lạy Phật, thờ Phật, mà phần đông phái theo Phật lạy Phật ấy là ai? tức là phái phụ-nữ trong nước ta theo nhiều hơn hết.

Phái phụ-nữ chúng ta theo Phật nhiều như vậy mà mỗi người phụ-nữ đều làm một bà nội-tướng trong gia-đình, vậy thời trong mỗi gia-đình đều đã chịu ảnh-hưởng của Phật-giáo. Nhưng xét cho kỹ, từ xưa đến nay, chị em chúng ta tuy có qui-y, có lạy Phật theo Phật mà tinh thần Phật-giáo và sự lợi ích Phật-giáo trong gia-đình thời không mấy ai rõ.

Nay tôi xin chia các khoản như sau này:

- 1) Sự lợi ích về thờ ông bà cha mẹ con và mặt.
- 2) Sự lợi ích đối với bà con anh em họ hàng.
- 3) Sự lợi ích đối với chồng.
- 4) Sự lợi ích về dạy dỗ con cái.
- 5) Sự lợi ích đối với tôi tớ.

Khoản thứ nhất. — Sự lợi ích về cung phụng cha mẹ hoặc ông gia, bà gia. — Một người đàn-bà khi chưa qui-y Phật thì hay chấp những điều nặng nề, hay so đo lời thiệt lỗ hơn; bởi vậy cho nên khi gặp phải cha mẹ, ông-gia, bà-gia, chướng tách, không hay nhẫn nhịn được, cho nên sanh ra lắm sự bất hòa, mẹ còn xấu xề, sanh ra lắm sự ác-cảm mẹ chồng con dâu, cha không thương con, con trở lại ghét cha, rồi từ đó mà gây nên lắm sự thâm-mục khiến cho gia-đình tan nát, máu mủ chia lia; cha mẹ buồn tủi oán hận con dâu, ông gia bà gia thì oán dàu, giận con. Có ấy bởi đâu? Chính vì bởi hai bên cha mẹ và con dâu chưa biết tu tỉnh, chưa biết nhẫn nhịn nhau, cho nên sự bất hòa từ đó sanh ra, làm cho cảnh gia-đình trở nên địa-ngục; người già thì tủi phận sống thừa, người trẻ thì than gặp cảnh éo le.

Nay các chị em đã qui-y Phật, đã biết Phật là một bậc đại-từ đại-bi thương khắp cả chúng sanh, chị em đã muốn tu tỉnh thì trước phải giữ chữ hiếu làm đầu. Trong Hiếu-kinh Phật dạy: «Các con muốn tu hành, muốn được phước đức thì phải ở cho có hiếu»; cha mẹ là người sanh ta ra mà ta còn không nhẫn nhịn dặng thay hưởng chỉ là người khác. Thí dụ như đứa con còn nhỏ, nói chướng ta còn nhịn được, mà cha mẹ nói chướng ta cãi lầy làm chi? một điều nhịn chín điều lành. Ngày xưa đức Phật ra hành đạo bị nhiều người hiếp đáp mắng la mà Phật đều nhẫn nại được, hưởng chỉ chúng ta ngày nay dù bị một đôi lời nói của cha mẹ chưa chi đã cho là cực, ta phải gắng mà nhẫn nhịn, ấy là chị em tu tập tâm-tánh được ôn-hòa, mà các gia-đình sẽ nhờ chị em đều được yên ổn. Người biết đạo Phật chẳng những biết nhẫn nhịn cha mẹ lúc sống mà lại còn biết giúp linh-hồn cha mẹ sau khi chết, nghĩa là biết cầu Phật cho vong linh được siêu thăng, tiêu điều về miền Cực-lạc thế-giới nữa.

Khoản thứ hai. — Sự ích lợi đối với bà con anh em họ hàng. — Người đã theo đạo Phật sẽ theo tâm-tánh của Phật cho nên lòng thương cũng mở rộng thêm nhiều, chẳng những thương cha mẹ chồng, chồng con, mà lại còn

thương lấy đến anh em bà con chồng nữa. Biết anh em là ruột là rà với chồng mình, cho nên không làm những việc máu mủ chia lìa, một lòng thương yêu anh em bà con chồng như anh em bà con mình. Đối với người nghèo thì chúng ta lấy lòng từ-bi cứu vớt giúp đỡ, còn đối với người giàu thì chúng ta không nên ganh ghét, không đua bơi. Biết hẳn nhọc vui vẻ với người bà con, không tham lam ganh ghét, một lòng thương yêu cứu giúp người. Chị em nên nghĩ rằng Phật từ-bi vô hạn, thương khắp cả muôn loài, nay ta đã là đệ-tử Phật, thì cũng phải mở rộng lòng thương người, hướng các người bà con anh em đó là chú bác, cô, dì của con cái, nếu ta ghét các người đó thì hóa ra ta đù họ ghét con ta đó thôi, vậy cho nên ta phải thương người rồi người sẽ thương con ta, ấy là một cái luật nhơn-quả nhất định.

Khoản thứ ba. — Là vợ đối với chồng. — Một người vợ đã quy-y Phật thì sẽ tôn-trọng cái tánh nhân nhĩn từ mẫu làm đầu, thì dụ như đối với ông chồng hay chiều chuộng thì chị em phải biết vì thiện-duyên, phước báo đời trước của chị em đã nhiều cho nên ngày nay được thọ hưởng, gặp duyên may mắn. Nhưng trong lúc thọ hưởng phải biết giữ gìn. Đời xưa đã có câu : “Hưởng phước bất khả hưởng tận” nếu hưởng nhiều thì phước mau hết, phước hết thì họa phải theo, vậy cho nên trong lúc hưởng, chớ nên buông lỏng tham đắm ăn hiếp chồng con, người càng qui, ta càng nhĩn nhận e dè và phải tìm cách trả ơn chồng con cho xứng đáng làm sao cho đúng đắn với sự yêu qui của chồng, và cho gia-nương biết là người chồng yêu qui chị em, không phải là vì mê man mà chính là vì đức tánh hoàn toàn, tư-cách đáng phục của chị em.

Bên nhà Phật thường dạy : “Người theo đạo Phật khi nào cũng phải biết ơn, mà biết ơn, nếu không tìm cách trả ơn cho xứng với sự yêu qui ấy, thì kiếp sau người thọ ơn phải mắc nợ và phải trả lại, vậy cho nên khi hưởng phước, ta chớ nên buông lung lòng ích kỷ,

Con chị em nào không may gặp phải ông chồng say đắm, thì cũng biết sự quả-báo đời trước cho nên phải chịu khổ đời nay, biết như vậy cho nên an tâm mà lo liệu không nóng nảy la rầy, mà lại nhẹ nhàng khuyên dẫn. Khéo đem lời đạo-đức vào tai chồng, lại cố làm sao cho chồng gần gũi người đạo-đức, để chờ khi đổi tâm tánh lại.

Người đã biết đạo Phật dù gặp cảnh khổ bao nhiêu cũng an tâm mà lo liệu không ồn-áo sĩ nhục chồng, xem người chồng trong khi đó như người trong cơn say rượu, chỉ tìm cách giải rượu một cách êm dềm. Riêng phần mình lại biết vì nghiệp-báo còn nặng cho nên hết lòng cầu Phật cho nghiệp-báo sớm tiêu tang, chớ không đại như những người thường, hoặc làm xấu hổ chồng, hoặc hành thân hoại thể làm cho gia-đình tan nát.

Khoản thứ tư. — Là dạy dỗ con cái. — Một người mẹ biết qui đầu theo Phật lại biết Phật lãnh trách-nhiệm làm mẹ dạy dỗ cả ba cõi Nhơn, Thiên, thời ta nay, dù sức lực nhỏ hẹp, ta cũng phải gánh trách nhiệm dạy dỗ đám con cái của ta, đã đào-tạo nên đó. Bà mẹ đã biết nhiệm-vụ mình lớn lao như vậy, thì ngày đêm phải nhớ nhiệm-vụ của mình luôn.

Vấn-đề nhi-đồng giáo-dục là một vấn-đề tối trọng yếu trong nhơn-gian, mà chị em là người đầu tiên phải gánh trách-nhiệm ấy. Trách-nhiệm to tác nặng nề của phái phụ-nữ như vậy mà xưa nay trong nước mình không mấy ai để ý đến. Hôm nay vì thi giờ vắn vỏi nên tôi chỉ sơ lược bàn mấy câu, sau này có dịp tôi sẽ bàn rộng vấn-đề ấy theo tư tưởng của người học Phật.

Vấn-đề dạy con, quang trọng nhưt là chỗ biết tâm tánh con nít. Nhà Phật dạy : “Nói mà không nhằm có thì sai hết” nay chị em đã qui Phật, trước hết phải thể theo đức tánh Phật là lấy tình thương mà dạy dỗ. Ta phải lấy tình bà mẹ chơn-chánh chứ không phải tình thương vô lý nghĩa như các bà mẹ quá thiên vị, nghĩa là tình thương chánh đáng, đem những lời hay lẽ phải mà dạy con, đem những giống

đạo đức gieo vào tâm con, mà nhất là con nít hay bắt chước nơi hình-thức hơn là nơi lời lẽ, vậy cho nên, bà mẹ muốn con nên, trước phải tự nghiêm mình làm một cái gương đạo-dec cho con bắt chước. Con đối với mẹ có rất nhiều ảnh-hưởng, cho nên một bà mẹ đã biết theo Phật thì khi nào tự mình cũng biết tu tập làm gương dạy bảo con, nếu ta làm các điều bậy mà buộc nó không bắt chước sao được. Con nít tinh-thần như tấm vải trắng, ta cần phải khéo nhuộm màu, nếu để cho một phen vải đã bị ố hoen, thì khó mà sửa lại được.

Nay ta muốn cho con ta trở nên người đạo-dec hoàn-toàn, ta phải tự nhận trách-nhiệm nặng nề đào-tạo nó cho nên người, tức là ta phải treo gương đạo-dec nơi ta trước.

“Con nhờ đức mẹ” tục xưa đã nói, nếu ta thất đức thì con còn biết nhờ ai ?? Vậy cho nên chị em theo Phật phải theo lòng từ-bi của Phật, dù chúng sanh ngang tàng bao nhiêu Phật cũng cố mà theo dạy ; nay kẻ đệ-tử Phật cũng phải vậy, dù con hư hoan đến đâu cũng chớ nên ruồng bỏ, mà theo dạy cho đến kỳ cùng. Phật lập ra muôn ngàn chước phương tiện độ chúng sanh, nay ta cũng phải tìm nhiều cách mà dạy con, tùy tánh đứa nào ưa gì thì thế theo nó mà dạy dỗ.

Khoân thù năm. — Là đối với tôi tớ. — Trong đạo Phật cốt nhất là hai chữ bình-dẳng, loài người khác nhau không phải nơi chỗ địa-vị sang hèn mà chính là nơi tâm tánh. Ta đã tự nhận làm bà chủ khôn ngoan tri-thức hơn kẻ hèn, đã hơn kẻ hèn thì phải hơn cả tinh-thần và vật-chất, nếu ta, hơn họ thì phải nhận làm thầy họ, đặc diu vẽ biều cho họ. Phật thường dạy trong kinh : các người cực khổ kia là vì kiếp trước không tu thiện, ác nghiệp đủ dân, nay ta đã là đệ-tử Phật, đã tin hơn quả của Phật dạy, lẽ nào ta không gắng dạy vẽ cho nó trông hơn lành, mà lại trở lại ăn ở bạo ngược, đối đãi bất hơn với chúng nó ?

Chúng nó ngu chẳng qua vì kiếp trước không tu phước tu huệ, sao ta không gắng mà dạy dỗ nó, lại trở xử bất hơn ? Nếu ta là người đã tự nhận là thông hơn chúng

nó, thì phải dạy chúng nó, nếu không dạy mà bảo chúng nó ngu, thì hóa ra mình cũng không có lòng nhơn gì cả. ?

Kết luận bài **Ảnh-hưởng Phật-giáo trong gia-đình**, tôi cầu nguyện cho chị em ai là đệ-tử Phật thì nên thực-hành ngay trong gia-đình tinh-thần Phật-giáo như trên, còn ai là người chưa biết Phật thì nên phát tâm theo Phật mà cầu hạnh-phúc trong gia-đình.

Nói đến đây, tôi chắc các ngài và chị em lấy làm lạ, là một vị Ni-cô lại rõ cả tinh-thế trong gia-đình của thế-gian, Xin thưa rằng : Kinh Phật có câu : “Phật-pháp bất ly thế-gian giác”. Đạo Phật đều trùm tất cả các việc thế-gian, mà đạo Phật là dạy người phải sống theo Phật-pháp thì người người đều được an vui, nhà nhà đều được hòa-thuận, phương chi Phật chỉ cốt dạy chữ Tâm mà thế-gian sống không ngoài cái tâm ấy, mà người tu luyện cũng chuyên nghiệm cái tâm ấy, là cốt đề đặc biệt cho đời người sống được vui và khỏe.

Phật-pháp tuy là cao-siêu mầu nhiệm dù nói ngàn nam cũng không cùng, nhưng hôm nay chị em đây toàn là người sắp làm mẹ và sắp lập gia-đình, nên vấn-đề này chỉ riêng cho chị em ấy, nếu như trong chị em trong chúng tôi đây, có ai phát-tâm muốn nghe lý nghĩa cao xa nữa, thì xin tìm thầy, tìm bạn mà bàn hỏi.

Nam-mô Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật, nhưn lễ Khánh-dân này, tôi mong rằng các ngài thịnh-giả đến đây và chị em toàn tỉnh, đồng thanh niệm Phật, tụng Phật cầu Phật gia hộ cho thuyền-gia thịnh vượng, kẻ đệ-tử đạo-tâm vững vàng, ấy mới gọi là kỷ-niệm ngày Phật giáng sanh vậy.

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA-MÂU-NI PHẬT

CUỘC THĂM TRƯỞNG PHẬT-HỌC

Ngày 29 Mai 1937, tại các trường Phật-Học có cuộc nghinh tiếp Cụ Thượng-thor Bộ Quốc-Dân Giáo-Dục. Tuy cuộc tiếp rước rất đơn giản, nhưng mấy bài diễn-văn và đáp-từ sau đây có thể chỉ tỏ sự quan-hệ của Phật-học đối với vấn-đề quốc-dân giáo-dục.

Ba giờ rưỡi chiều hôm thứ bảy, tại chùa Báo-quốc là nơi an-trủ của trường Sơ-Học ; trước cửa Tam-quan chùa, thấy mười người chức việc trong ban Trị-Sự như là Cụ Chánh-Hội-trưởng Nguyễn-Đình-Hồe, Lê-Nhữ-Lâm cùng các ông Tôn-Thất-Tùng, Lê-Đình-Thám Lê-Quang-Thiết và các vị khác nữa đón Cụ Thượng vào ngay chánh-diện đề hầu Phật. Trong chánh-diện có hai thầy Phó-Giám-Đốc và Kiêm-Lý của trường (còn thầy Chánh Giám-Đốc đau nặng), y áo dăng hoàng trông rất trang nghiêm. Khi hầu Phật xong, mời Cụ xuống nhà trường thăm học trò.

Sau một hiệu lệnh của thầy Đốc-Học là một nhà rất thâm đạo-lý, biệt hiệu là Tri-Độ, thời toàn trường học-sanh đều cất tiếng chào và niệm Nam-Mô A-Di-Đà Phật.

Nhà trường sắp đặt rất đơn sơ, vì chỗ tiếp chính là nơi trường Trung-Học, chỗ ở đây chỉ là một nơi ghé thăm qua thôi. Khi ngồi xong, có một điệu chứng mười ba, mười bốn tuổi cầm bó hoa dăng Cụ mà nói mấy câu như sau này :

“Anh em trường Sơ-Đẳng Phật-Học chúng tôi rất lấy làm may mắn được hầu tiếp Cụ lớn là một vị Thượng-Thor bộ Giáo-Dục. Anh em chúng tôi đủ là học-sanh Phật-Học, nhưng cũng là một phái học-sanh An-nam, vậy xin dâng bó hoa này để tỏ lòng cảm tạ một vị có cái trách-nhiệm giáo-dục toàn-thể anh em trong nước vậy”.

Khi nói xong rồi, Cụ Thượng tỏ lời cảm ơn và bắt đầu hỏi các điệu về các bài vở chữ Hán các điệu đã làm, và hỏi về lịch-sử một vài vị Tổ-Sư đã có công dịch kinh chữ Pháp ra chữ Tầu.

Trường Sơ-Đẳng Phật-học lập ra chưa đầy ba năm mà học-sinh đã làm được bài chữ Hán, học kinh Tiểu-thừa, lý nghĩa đều đã rõ nhiều lắm. Trong các điện lên nói, có điện mới có mười, mười hai tuổi mà thôi, thật đáng khen công đức các ngài dạy dỗ.

Trong dịp quang sát về trường Tiểu-học này, tôi lại rất đáng khen các ông các bà trong ban Kiểm-Khẩn, các ông thì lo về việc chi-thấu tiền bạc, về các nhà hảo-tâm cúng dường hằng tháng, các bà thì lại chia nhau mỗi người một tháng đến tại trường lo việc ăn uống chăm nom, thật đáng khen thay tấm lòng qui hóa các người đã hết lòng vì đạo.

Đến bốn giờ mười lăm phút thì Cụ Thượng và toàn ban Trị-sự lên xe vào tại chùa Tường-Vân là nơi lập lớp Trung-học của An-nam Phật-Học-Hội.

Đến đây cũng vậy, ban Trị-sự mời Cụ vào thẳng chánh-diện hầu Phật. Ở đây lại có vẻ trang-nghiêm hơn nhiều, trong điện hương đèn rực rỡ, hai bên điện, các thầy Trung-Học y áo chỉnh tề, hơn ba mươi người chấp tay tịnh niệm năm phút. Đứng trước quang cảnh trang-nghiêm rực rỡ này, trong những phút im lặng, tâm hồn ai nấy đều trong sạch, khoan khoái, nhẹ nhàng, mà hình như nghe lời Phật dạy : Chúng con phải gắng mà dắc diu chúng sanh ra ngoài biển khổ, đừng vì danh-lợi đứng vì địa-vị mà tranh dành chia rẽ lẫn nhau.

Ngoài các thầy Trung-Học ra, các hội-viên nam nữ ai ai cũng đều công nhận, trong mấy phút im lặng đó ai cũng đều có mỗi cảm kích lạ thường, hình như nghe lời Phật càng vặng chúng đệ-tử tại-gia của ngài, đều phải một lòng chăm lo về sự hộ-trì Phật-pháp trong buổi đời nhơn-tâm điên-đảo này. Vậy mà chẳng riêng chỉ hội-viên nam nữ, ngay như bậc thượng khách là Cụ Thượng Giáo-Dục cũng tăng ngần trước tòa Tam-Bảo, chăm chỉ hướng mặt Phật, hình như Cụ cũng cầu Phật gia-hộ trong bước đường giáo-dục quốc-dân của Cụ chăng ? hay là tâm-hồn văn-sĩ của Cụ hiện lộ ra trong những quang cảnh trầm-ngâm, những phút u tịch ? Nói đến đây tôi

sự nhớ mấy câu của nhà học-già nước Nhật-Bản tả cảnh một vị Thượng-Thor nước họ ; ông ấy nói rằng : “Các ông Thượng-Thor của nước tôi, không phải chỉ dấu hình rã sau đám giấy lộn của mỗi bộ, mà chính là trầm ngâm nghĩ ngợi, suy nghĩ đến tính-thể quốc-dân, lo việc sửa sang tính tình của xã-hội. Nói tóm lại là nước tôi lấy trí mà trị⁶ dân, mà rồi cũng trị mà chinh phục thiên hạ”.

Thôi chuyện nước ngoài mặc họ đã, đây nhắc lại, khi Cụ Thượng xuống nhà Trường, nam nữ hội-viên cùng với các vị Chứng-Minh Đạo-Sư của Hội, các thầy Chánh, Phó-Giám-Độc của trường (các thầy ăn mặc áo trắng thường) ra ngồi tiếp Cụ. Tại trong lớp, mấy giầy ghế dài, mấy chục lọ hoa sen, bày trên các bàn trải khăn trắng toát. Các thầy Trung-Học xuống trước, ngồi tại bàn. Khi ai nấy ngồi yên, một thầy người Nam-Kỳ pháp hiệu là Chánh-Quang ra tổng học một năm nay tại trường, thay lời anh em trường Trung-Học, đọc bài chúc, văn tác sau này.

Bầm Cụ Lớn Bộ Giáo-Dục

Tôi xin thay mặt toàn thể anh em lớp Trung-Học của Hội Phật-Học Trung-Kỳ, kính chào Cụ lớn và xin cảm ơn Cụ lớn đã hạ cố thăm trường chúng tôi.

Cụ lớn là một người gánh cái trách-nhiệm giáo-dục quốc-dân nước Việt-Nam, mà anh em chúng tôi đây, dù là người xuất-gia, nhưng cũng là một phái học-sanh học Phật, vậy cho nên chắc rằng cuộc tiếp-kiến Cụ lớn đây chắc sẽ được nhiều sự tấn ích trong đường tu học của chúng tôi lắm.

Bầm Cụ lớn, nhưn tiện Cụ lớn quang tâm đến thăm trường, chúng tôi xin bày tỏ đôi ý-kiến về sự lợi ích của Phật-giáo đối với vấn - đề quốc - dân giáo - dục, giám mong Cụ lớn đề ý cho. Phật-pháp chắc rằng Cụ lớn đã rõ, là một giáo-lý đủ cả hạnh quả, lại là một phương-pháp văn hồi nhưn-tâm một cách rất châu đáo, từ gốc đến ngọn. Vậy cho nên người học Phật chẳng những đem khẩu-giáo mà thôi, lại cũng phải đem cả thân-giáo và ý-giáo nữa. Một người tu học Phật-pháp cũng phải

đem cái đời mình làm một cái gương đạo-đức mà dạy dỗ người, lấy mục-dịch dạy dỗ người, làm một cái kim chỉ-nam cho sự sống của mình, cho nên phải hy-sinh về sự giáo-dục, cốt làm cho lợi người vậy.

Hiện thời nay chắc Cụ lớn đã rõ, người nước ta xu-hướng về con đường vật-chất hầu mong làm đồ cả nền luân-lý nước nhà, nếu chúng ta không đem Phật-pháp mà văn-hồi nhơn-tâm, thì không bao lâu nữa ác sẽ bị cái hại luân-lý suy đồi, lương-tâm vùi dập. Huống nữa Phật-học rất thích-hợp với Nho-học, đạo-học : vậy cho nên, các bậc Đại-đức thuyên-gia và Hội Phật-Học chúng tôi đây đều mong ngoài thì giờ khảo-cứu Phật-học, anh em chúng tôi cần phải nghiên-cứu thêm về Nho-học và đạo-học, đề hầu giúp cho nền luân-lý Á-châu và các học-thuyết một ngày sau này không đến nỗi điêu-tàn, không có người gánh vác. Phương chi Phật-học truyền sang xứ ta phần nhiều chữ Tàu, lại xem trong lịch-sử Phật-học biết bao nhiêu bậc Đại-văn-hào đều từng Nho-nhập Thích, như các ngài Đào-Uyên-Minh, Hàng-thối-Chi, Tô-đông-Pha, cận lai như các ngài Lương-Khải-Siêu, Đinh-Thước-Bảo.

Nam-mô A-Di-Đà-Phật, tôi không dám làm mất thì giờ quý-báu của Cụ lớn, chỉ xin cầu Phật gia-hộ cho Cụ lớn phát Bồ-đề-tâm để giác-diệu con em sau này lên con đường chánh-đại.

Nay kính bẩm

Đoạn rồi ông Lê-đình-Thâm thay mặt ban Trị-sự nói mấy lời bày tỏ mục-dịch lập các trường Phật-học (kỷ sau sẽ đăng bài ấy). Khi nói xong cả Cụ Thượng đứng dậy nói đại ý như sau này :

« Tôi là một người rất quen với Hội, đã từng lên xuống với Hội trong những dịp lễ tiếp các vị Danh-dự Hội-trưởng của Hội. Tôi không ngờ ngày nay Hội tiếp một cách thịnh tình. Văn biết Hội lấy tư-cách tiếp một vị Thượng-Thor bộ Quốc-Dân-Giáo-Dục, nhưng xét riêng về phần tôi thì tôi chỉ giữ một bộ phận nhỏ về sự giáo-dục quốc-dân thôi. Sự giáo-dục ấy lại chỉ riêng về phần thế-gian chớ về đạo-lý xuất thế-gian thì tôi xin thú thật là tôi không biết gì mấy, vì vậy cho nên tôi rất trông

mong được nhiều dịp lên nghe các bài diễn-thuyết như bài quan
độc Lê-đình-Thám nói vừa rồi để cầu học thêm.

Về Phật-học tuy tôi chưa rõ được mấy, nhưng về vấn-đề giáo-
dục tôi cũng được rõ ít nhiều, vậy tôi xin bày tỏ đôi ý-kiến ra
đây để các ngài, các hội-viên và toàn-thể học-sanh Phật-học rõ.

Trước hết tôi xin đứng về phương-diện một người bàn-quang
xem xét Phật-học đối với sự giáo-dục trong nước, nhưng xét về
Phật-học là xét về mặt hình-thức tấn-thối trong các thuyết thế-
gian, chứ không phải về môn đạo-lý, về môn này như trên tôi
đã nói tôi chưa được rõ. Nay chúng ta thử xét qua dân-tộc
Việt-Nam, về giống người thì ta chưa được rõ chắc kừ đâu mà
đến, nhưng đã có ra một dân-tộc thì phải có tinh-thần của dân-
tộc ấy. Xét về lịch-sử thì dân-tộc Việt-Nam có đủ luân-lý, đạo-
đức học-thuyết, tóm lại, gọi là tinh-thần một dân-tộc, mà sở dĩ
dân-tộc này không lộn với dân-tộc khác, là bởi do nơi chỗ tinh-
thần khác nhau đó vậy. Nói về tinh-thần của một dân-tộc, thì
không phải một ngày một lúc mà có thể đào-tạo cho thành, chính
là phải trải qua mấy ngàn năm. Cái tinh-thần Việt-nam của chúng
ta đây, tất phải nhờ các học-thuyết tạo-thành, mà xét về đức-
dục thì một phần lớn là do công nghiệp của Phật-học vậy. Phật
học đã có ảnh-hưởng về luân-lý đạo-đức trong dân-tộc ta như vậy
thì ai là người muốn bảo-tồn tinh-thần dân-tộc Việt-Nam tất phải
tân-thành cho Phật-học.

Tuy vậy, trong vấn-đề học thuật, tôi xin chia ra ba bộ phận
như sau này, vấn-đề này tôi nhớ tôi đã nói một lần trong khi
tôi mới về Kinh tại trường Khải-Định, mà thỉnh-giả Tây, Nam
trong học-giới không mấy người đề ý đến :

- 1) Môn học về thực nghiệm,
- 2) Môn học về tinh cảm,
- 3) Môn học về đạo-lý.

1) *Môn học thực-nghiệm.* — Học thực-nghiệm như
thiên-van, địa-lý, cách-trị, địa-dư, toán-học, vụn-vật-học vân vân, là
toàn-thể nước nào, dân-tộc nào cũng đều nên bác-chức mà

học in nhau cả; nước này phát minh cái gì đã rõ ràng, là phải, thì nước nọ nên bác chước ngay, cho nên về môn học này có thể gọi nhóm loại đồng học được.

2) *Môn học tinh-cảm.* — Môn học này không thể học chung cả nhóm-loại mà phải riêng từng dân-tộc; thí dụ như văn-chương, mỹ-thuật, luân-lý, mỗi dân-tộc có một tánh-cách riêng hoặc vì hoàn-cảnh tạo-thành, hoặc vì non sông nung đúc, cho nên khiến nước này không in nước khác, cũng như xứ lạnh, xứ nóng khác nhau. Thí như có một người Á-đông đi giữa một khoảng trời tịch-mịch, bỗng nghe gần chùa có một tiếng chuông rền, tuy tiếng chuông ấy đối với người ngoại-quốc rất lạ lẻo mà đối với người Á-đông có cảm-tình rất sâu xa, lại như có người ngâm một câu thơ Tây tuy hay mà không cảm bằng một câu thơ xưa của ta vậy; xem thế thì biết cảm-tình mỗi dân-tộc có mỗi vẻ riêng, không thể đổi hăng được.

3) *Môn học đạo-lý.* — Về môn học đạo-lý này xin tạm gọi là sự tin-ngưỡng của mỗi dân-tộc, môn học ấy cũng có thể chung và cũng có thể riêng, vì nơi chỗ học vô hình vô ảnh mà lại có chỗ nhất định rất hăng hoi, ấy là do tri-thức loài người có từng hạn, cho nên chỗ tin-ngưỡng cũng có ra nhiều tôn giáo. Vậy cho nên nơi chỗ tin-ngưỡng tuy đồng mà nơi chỗ phân biệt đạo-lý và thờ tự thì khác hăng.

Ba môn học-thuyết như trên tôi đã nói, về môn học thứ nhất, dù là dân-tộc nào cũng phải theo học cho đến kỳ cùng, ấy là đề cung cấp cho sự sống về hình-thức trong xã-hội. Còn hai môn sau, theo ý tôi tưởng, đã là dân-tộc nào thì nên giữ tinh-thần của dân-tộc ấy mà trau dồi thêm, trang sức thêm, tìm tòi mở mang cho thâm-thúy thêm, cải đổi sự dốt, bảo-tồn sự hay, chứ không cần chỉ phải phá-hoại !

Nói tóm lại, tôi xin khuyên các thầy học-sanh nên mở mang đạo-lý của Phật cho rõ ràng cho công chúng dễ hiểu, và xin chúc toàn-thể hội Phật-Học và Tăng-gia đạt mục-dịch chấn-hưng Phật-học !!

Sau khi nói xong, Cụ còn ngồi lại đàm đạo với mấy Thầy và hội-viên, và Cụ khuyên các học-sanh nên noi gương của các Cha Cổ bền đạo trong sự mở mang về bình-thức, vì lý thuyết đạo Phật tuy cao, chỉ vì mở mang không khéo, nên ít người hiểu rõ.

Đối với cuộc tiếp kiến này riêng phần tôi rất lấy làm vui, vui là vì ngoài chức ông Bộ-trưởng, Cụ Phạm cho chúng ta thấy Cụ là người học-giả uyên thâm, khéo phân biệt chỗ hay dở trong học thuật.

Một người dự lễ lại cảo





THI - LÂM

Hai bài này là của một Cử - sĩ đưa thầy
Mật-Thề khi ở Huế đi qua Tàu học.

Bài chữ

Thoát túc siêu phượng chi trượng-phu,
Bách thành tham học tấn công phu.
Nguyên quân đạt thủ Bồ-đề-lộ,
Bất nhiệm trần-lao tiện thị tu.

Bài nôm

Chúc chú lên đường được thành thời,
Thần tâm gìn giữ chớ buồn lo.
Đã rằng chí cả nguyện theo trọn,
Dầu nát gan vàng cũng chớ lui.
Tri học hên lân thời phải được,
Tâm hành không chuyển, khó mà thôi.
Mấy lời xin chú nên trân trọng,
Phải biết nhơn-duyên phải biết thời.

B. T.

(Ở Huế, tiếng gọi Chú đề gọi các thầy khi còn tại trường học, chưa làm Thầy Cả).

*Bài thơ này của thầy Chánh-Thống đưa thầy
Chánh-Tin ra Bắc-Kỳ trong lúc cuối
năm nghỉ học.*

Tiền biệt

Bách thành yên thủy thượng nga my,
Quyền nhiếp vô vi tất hữu vi.
Trần sát mao đoan quân tảo khế,
Thần văn tâm nguyệt ngã do nghĩ.
Lệ từng thức hải ma-y thấp,
Vụ tỏa trường thiên nhận ảnh hy.
Quy khứ nhược mộng vô kiến khí,
Sơn-khê trùng phóng tự tương-trì.

Ch. Th.

Họa

Vạn quan trùng xuất tự nga my,
Thật tánh như như bất tất vi.
Tâm-cảnh thủy phản hựu thủy hiệp,
Sát-trần vô biệt dự vô nghĩ.
Mang mang nghiệp-bãi tùy duyên-khỉ,
Lộ lộ chơn-thường thức giả hy.
Quy khứ hà phương đảo hà sở ?
Bản lai như thị kỷ nhơn tri !

K.

Bóng trăng

Muốn biết trăng kia có với không,
Thử xem đây nước bóng trăng lồng.
Gió êm nước đứng trăng thường chiếu,
Nước gợn thời trăng át khó trông.

K.

Họa

Nước giữa giòng sâu trắng giữa không,
Nước ngấm trong vật bóng trắng lồng.
Nước dù như động trắng không động,
Nước lặng thời trắng mới khả trông.

Ng.

Vịnh trắng

Tùng treo lộng lộng giữa hư-không,
Binh đẳng soi cùng vạn nẻo thông.
Tự tánh có hư thì mới thiệt,
Tịch mà thường chiếu khắp tây, đông.

K.

Họa

Trăng sáng soi cùng cõi thái không,
Soi mà vẫn lặng thể dung-thông.
Tánh linh vốn sẵn tùy duyên chiếu,
Đâu có riêng gì tây với đông.

Th.

Hỏi trăng

Hôm kia trăng sáng cả rừng thông,
Thử hỏi vì sao nay lại không ?
Hay bởi chòm mây làm chướng ngại,
Khiến người thường giả luống ngồi trông.

K.

Họa

Trông trăng trực nhận thề viên thông,
Muôn pháp đầu ngoài lý diệu-không.
Ai giám chắc rằng không với có,
Có không ấy lỗi tại người trông.

H.

Vịnh Phật-tánh

Phật-tánh kia ai chẳng có mà,
Vì sao ta phải lạc đường ma ?
Vô-mình chất chứa thành ra thế,
Xét kỹ nguyên vì một chữ ta.

Xét kỹ nguyên vì một chữ ta,
Từ nay quyết chỉ lựa cho ra.
Ra rồi phải giữ đừng cho lãng,
Sẽ đang vui hoải cảnh lợi tha.

H.

(Huế, ngày Phật-Dân)



月計

Việc vặt

CÔNG VIỆC CỦA HỘI TRUNG-ƯƠNG TRONG
THÁNG JUILLET BIÊN-BẢN NGÀY
18 JUILLET 1937

Hiệu-diện : Cụ Lê-Nhữ đại-nhon

Các ông : Lê-dinh-Thám

Trương-Xương

Lê-dinh-Lạc

Tôn-thất-Tùng

Lê-quang-Thiện

Lê-văn-Lộc

Hoàng-hữu-Khác

Trương-quang-Du

Bà : Cao-xuân-Xang

Trương-Xương

1. — Ban Trị-Sự đọc thơ của làng Ba-Vinh-hạ có Lý-Trưởng Ngô-Huân và hương-hào làng ấy yêu-cầu về tại làng ấy gián Kinh Phật Ban Trị-Sự định đến ngày 27-7-37 khi 7 giờ rưỡi về gián và viết thơ mời ông Chánh-Thống về gián.

2. — Theo thơ các ngài trong Ban Chứng-minh đại-đạo-sư thì Ban Trị-Sự định đến ngày rằm tháng bảy làm lễ rước ngài Chứng-minh đại-đạo-sư là ngài Trương-Vân. Chương-trình lễ ấy sẽ định sau.

3. — Ban Trị-Sự định làm circulaire cho tất cả Hội-viên rằng đến ngày rằm tháng bảy trong lúc lễ Vu-Lang sẽ có làm lễ quy-y cho các Hội-viên, thân-thuộc hội-viên và các vong thân-thuộc

hội-viên muốn quy-y cho các vong quá cố thì phải viết tên tuổi rõ ràng mà đưa trước 10 ngày.

4. — Ban Trị-Sự đọc thơ thầy Bắc-Nhã và giao cái thơ cho bà Cao-xuân-Xang nhờ bà ấy sắp sửa cái chương-trình của Ban Kiểm-Khẩn trường Phú-Yên.

5. — Ban Trị-Sự y tờ trình của Ban làm chùa về tên các ông ở ngoại tỉnh mà Ban Trị-Sự phải viết thơ gửi biên-lai tạm.

6. — Ban Trị-Sự y tờ trình của Ban Kiến-Trúc làm chùa về danh sách các hội-viên ở Huế bằng lòng nhận biên-lai tạm.

7. — Ban Trị-Sự đọc thơ Qui-nhơn, và định viết thơ cho thầy Tri-Độ hỏi ý kiến thầy và như thầy đi thì xin thầy soạn bài trước để Ban Trị-Sự xét.

8. — Ban Trị-Sự định từ này về sau, trước khi đi giảng hoặc tại các Giảng-đường, hoặc tại các Chi-hội thì ông Giảng-Sư soạn bài trước đưa cho Ban Hội-đồng xét, (Ban ấy gồm có 2 ông Cư-Sĩ, 2 thầy Chứng-minh đại-đạo-sư và 1 ông Đại-học).

9. — Ban Trị-Sự đọc thơ số 85 của Chi-hội Qui-nhơn và nhờ ông đốc Thám trả lời lần thứ 2 về cái huy-chiêu của Hội.

10. — Ban Trị-Sự đọc thơ của ông Trần-dang-Khoa, délégué de la Section Régionale Khánh-hóa (Nhatrang). Ban Trị-Sự chuẩn-y một số tiền phần năm (3\$00) nguyệt liêm để lo các lễ trong tháng (cảm, mừng một và lễ bất-thường thuộc xê Phật sự.

11. — Ban Trị-Sự trả lời cho ông Tôn-thất-Khâm đến ngày 24, 25 tháng 6 An-nam sẽ có 1 thầy và 1 ông Đại-học ra giảng tại Vinh.

12. — Ban Trị-Sự định viết thơ cho ông Hương-Thiết nhơn ông đi Dalat nhờ ông điện-định với ông Vô-định-Dung về việc làm chùa.

13. — Ban Trị-Sự viết thơ chúc ông Nguyễn-khoa-Toàn ông đi Tây-bình-yên và nhờ ông giao thiệp các Hội Phật-học ở Pháp và gửi tin tức về tình-hình Phật-học ở Pháp về cho.

Các Hội-viên hiện-diện đều ký tên,

BIÊN BẢN NGÀY 29 JUIN 1937

Hiện diện :

Cụ Lê-nhữ-Lâm

Các ông :

Lê-dinh-Thâm

Lê-quang-Thiết

Trương-Xương

Tôn-thất-Tùng

Hoàng-hữu-Khác

Phạm-quang-Thiện

Lê-văn-Lộc

Lê-dinh-Lạc

Bà :

Cao-xuân-Xang

Đọc thơ của Chi-hội Faifoo trình về các thiết-hành hội-viên ở các Chi-hội ấy không được. Hội gởi tặng Viên-Ấm Nguyệt-San, Ban Trị-sự định xin Chi-hội Faifoo cho biết tên các hội-viên ấy và sẽ gởi cho mỗi người một số 24.

Ban Trị-sự y tờ trình của ban làm chùa về các khoản sau này :

- 1-) Sắp đặt lo liệu cho có tiền.
 - 2-) Lo sự mua đất làm chùa và vẽ bản đồ của chùa.
 - 3-) Kế-toán các số đáng tiêu đề công-bố đầu giá.
 - 4-) Xem xét các việc lành hành.
-

BIÊN BẢN NGÀY 6 JUILLET 1937

Hiện-diện : Cố Chánh Hội-Trưởng

Các ông :

Trương-Xương

Lê-Đình-Thám

Tôn-Thất-Tùng

Hoàng-xuân-Ba

Hoàng-hữu-Khắc

Phạm-quang-Thiện

Lê-văn-Lộc.

Lê-đình-Lạc

Bà :

Cao-xuân-Xang

Ban Trị-sự nhất định muốn một người Secrétaire permanent lương 8\$00 hay 10\$00.

Ông Phó Ban-trưởng, ban lâm chủa đọc tờ biên-bản ngày 5 Juillet 1937 của ban ấy và các thư của ban ấy soạn đề gởi cho các thiện-tín.

Ban Trị-sự định viết thư cho các hội-viên ở Huế giới thiệu hai ông Kế-toán Phạm-quang-Thiện và Lê-văn-Lộc để các ông ấy đi thăm hội viên và thu tiền.

Các Hội-viên hiện-diện đều ký tên

DỰ CÁO KỲ SAU

- 1) THẾ-GIAN TAM³ ĐẠI THẾ-LỰC
- 2) SỰ CÙNG DƯƠNG CHƠN-CHÁNH
- 3) Ý-KIỆN PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HỌC



CHÙA HOÀNG-PHÁP CỦA HỘI AN-NAM PHẬT-HỌC TRUNG-ƯƠNG SẮP THÀNH LẬP!!!

Chỗ đất gần "cung An-Định," ngay route coloniale n°1, đất của Nhà nước cho rộng hơn 8000^{m²}.

Dự trù lập một ngôi chùa cho đủ chỗ thiện-nam tín-nữ đến nghe giảng pháp, bồng kiêu chùa sẽ in kỷ sau.

Xin toàn thể thiện-nam tín-nữ đề ý cổ-động giúp ; cơ-quan Hội Trung-ương mà được to tát thì các chi-nhánh cũng sẽ mở mang nhiều.

AI LÀ NGƯỜI ĐẠO-TÂM ???

Việc làm chùa xin hỏi Cụ Hiệp-tá Lê-Nhữ-Lâm

Phật-Học-Hội, Huế

MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

Viên-Âm

(LA VOIX PARFAITE)



Nguyệt-San của Hội Phật-Học — Huế

TÒA - SOẠN :

Route Nam - Giao — Huế

Chủ-bút : LÊ-ĐÌNH-THÂM Quản-lý : HOÀNG-XUÂN-BA

Boite postale N° 73 Huế

PHẬT - HỌC THIÊN - ĐÀM



Ông Tê-Nam Liên-Khốt đã tái bản quyển “PHẬT HỌC THIÊN ĐÀM”, quyền ấy tòa soạn chúng tôi đã duyệt ý và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh “PHẬT HỌC THIÊN ĐÀM” xin cứ gởi thư cho Tòa soạn Viên-Âm, Boite postale n° 73 Huế.

Giá Phật-học Thiên-dàm	}	1 quyển	0\$05
		10 quyển	0\$40

VIÊN-ÂM

IMPRIMERIE DU MIRADOR

21 Rue de la Citadelle

H U É